

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

LÊ NGỌC LINH

LUẬN VĂN THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Hải Phòng - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

LÊ NGỌC LINH

NÂNG CAO HIỆU QUẢ KIỂM TRA TRỊ GIÁ HẢI QUAN
TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN TẠI
CỤC HẢI QUAN TP HẢI PHÒNG

LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

MÃ SỐ: 60 34 01 02

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. Phan Thế Công

LỜI CAM ĐOAN

Tôi là: Lê Ngọc Linh, học viên cao học lớp MB03, chuyên ngành Quản trị kinh doanh, trường Đại học Dân lập Hải Phòng. Tôi xin cam đoan rằng: Số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn này là hoàn toàn trung thực và chưa được sử dụng để bảo vệ một học vị nào tại Việt Nam.

Tôi xin cam đoan rằng: Mọi sự giúp đỡ cho việc thực hiện luận văn này đã được cảm ơn và mọi thông tin trong luận văn đã được chỉ rõ nguồn gốc.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2018

Tác giả luận văn

Lê Ngọc Linh

LỜI CẢM ƠN

Sau một thời gian học tập và nghiên cứu, đến nay tôi đã hoàn thành luận văn thạc sỹ Quản trị kinh doanh với đề tài “*Nâng cao hiệu quả kiểm tra trị giá Hải quan trong hoạt động kiểm tra sau thông quan tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng*”. Tôi xin gửi lời biết ơn chân thành tới các thầy cô giáo của trường Đại học Dân lập Hải Phòng, những người đã tận tình dạy bảo giúp đỡ và định hướng cho tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu. Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới đến thầy giáo **PGS.TS.Phan Thế Công**, người đã định hướng và hướng dẫn tôi trong quá trình nghiên cứu đề tài.

Tôi xin trân trọng cảm ơn ban lãnh đạo Cục Hải quan TP Hải Phòng, Lãnh đạo Chi cục Kiểm tra sau thông quan - Cục Hải quan TP Hải Phòng đã cho phép và cung cấp những thông tin, số liệu trong thời gian tôi nghiên cứu và hoàn thiện đề tài.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2018

Tác giả luận văn

Lê Ngọc Linh

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	1
LỜI CẢM ƠN.....	2
MỤC LỤC.....	3
DANH MỤC CÁC TỪ NGỮ VIỆT TẮT	6
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	7
DANH MỤC CÁC HÌNH.....	8
LỜI MỞ ĐẦU	9
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	9
2. Tổng quan các Công trình nghiên cứu trong và ngoài nước	10
2.1. Tổng quan các công trình trong nước	10
2.2. Tổng quan các công trình ngoài nước.....	10
2.3. Nội dung kế thừa và khoảng trống nghiên cứu	11
3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài.....	12
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài	13
5. Phương pháp nghiên cứu của đề tài.....	13
6. Nguồn gốc số liệu và dữ liệu nghiên cứu	13
7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu	13
8. Kết cấu của Đề tài	14
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN	15
1.1. TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN.....	15
1.1.1. Cơ sở hình thành, cơ sở pháp lý Kiểm tra sau thông quan.....	15
1.1.2. Vai trò, mục đích của Kiểm tra sau thông quan.....	18
1.1.3. Đặc điểm của Kiểm tra sau thông quan	19
1.1.4. Đối tượng và phạm vi Kiểm tra sau thông quan	19
1.2. QUY TRÌNH VÀ TỔ CHỨC KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN.....	21
1.2.1. Quy trình Kiểm tra sau thông quan.....	21

1.2.2. Tổ chức Kiểm tra sau thông quan.....	23
1.3. KINH NGHIỆM KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN QUỐC TẾ VÀ Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG.....	27
1.3.1. Kinh nghiệm Kiểm tra sau thông quan trên thế giới	27
1.3.2. Kinh nghiệm Kiểm tra sau thông quan ở một số địa phương	29
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN TRONG LĨNH VỰC TRỊ GIÁ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THEO LOẠI HÌNH NHẬP KINH DOANH TIÊU DÙNG TẠI CỤC HẢI QUAN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG.....	33
2.1. GIỚI THIỆU VỀ CỤC HẢI QUAN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	33
2.1.1. Giới thiệu sơ lược lịch sử hình thành và phát triển	33
2.1.2. Sơ đồ bộ máy tổ chức của Cục Hải quan TP Hải Phòng.....	37
2.1.3. Nguồn nhân lực của Cục Hải quan TP Hải Phòng.....	37
2.1.4. Kết quả chung về hoạt động xuất nhập khẩu qua cảng Hải Phòng trong giai đoạn từ năm 2013 - 2017.....	39
2.2. KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN CỦA CỤC HẢI QUAN HẢI PHÒNG	41
2.2.1. Giới thiệu sơ lược về Chi cục KTSTQ	41
2.2.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chi cục KTSTQ.....	43
2.2.3. Cơ cấu tổ chức của Chi cục KTSTQ	45
2.3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KTSTQ VỀ GIÁ TRỊ HÀNG NHẬP KHẨU LOẠI HÌNH A11 TẠI CỤC HẢI QUAN HẢI PHÒNG.....	45
2.3.1. Giai đoạn từ 06/6/2006 đến tháng 12/2014.....	45
2.3.2. Giai đoạn từ 01/01/2015 đến hết tháng 6/2018.....	47
2.3.3. Một số vụ việc Kiểm tra sau thông quan điển hình.....	53
2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN TẠI CHI CỤC KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN	56
2.4.1. Những thành công	56
2.4.2. Những hạn chế.....	58
2.4.3. Những nguyên nhân	60

CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT TRỊ GIÁ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THEO LOẠI HÌNH NHẬP KINH DOANH TIÊU DÙNG (A11) TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN TẠI CỤC HẢI QUAN TP HẢI PHÒNG.....	63
3.1. DỰ BÁO TRIỂN VỌNG VÀ QUAN ĐIỂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KTSTQ TRONG LĨNH VỰC TRỊ GIÁ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU LOẠI HÌNH A11 TẠI CỤC HẢI QUAN TP HẢI PHÒNG.....	63
3.1.1. Dự báo triển vọng về hoạt động KTSTQ trong lĩnh vực trị giá hàng nhập khẩu tại Cục Hải quan TP Hải Phòng	63
3.1.2. Quan điểm của Cục Hải quan TP Hải Phòng về hoạt động KTSTQ trong lĩnh vực trị giá hàng nhập khẩu	65
3.2. MỘT SỐ BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT TRỊ GIÁ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU LOẠI HÌNH A11 TRONG KTSTQ	66
3.2.1. Biện pháp chung.....	66
3.2.2. Biện pháp cụ thể.....	70
3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP TRÊN	72
3.3.1. Kiến nghị sửa đổi hệ thống pháp luật và các văn bản hướng dẫn liên quan đến hoạt động KTSTQ về lĩnh vực trị giá tính thuế hàng nhập khẩu loại hình A11.....	72
3.3.2. Những kiến nghị cụ thể đối với Tổng cục Hải quan	74
3.3.3. Những kiến nghị với Bộ Tài chính	76
KẾT LUẬN.....	78
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	80

DANH MỤC CÁC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Giải thích
A11	Loại hình nhập kinh doanh tiêu dùng
AFTA	ASEAN Free Trade Area (Khu vực mậu dịch tự do ASEAN)
ASEAN	Association of Southeast Asian Nations (Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á)
CBCC	Cán bộ công chức
CEPT	Common Effective Preferential Tariff (thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung)
DN	Doanh nghiệp
GAAT	General Agreement on Tariffs and Trade (Hiệp ước chung về thuế quan và mậu dịch)
GTGT	Giá trị gia tăng
KTSTQ	Kiểm tra sau thông quan
NK	Xuất khẩu
NSNN	Ngân sách nhà nước
TCHQ	Tổng cục Hải quan
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
VCIS	Vietnam Customs Intelligence Information System (Hệ thống thông tin tình báo Hải quan)
VNACCS	Vietnam Automated Cargo Clearance System (Hệ thống thông quan hàng hóa tự động)
WCO	World Customs Organisation (Tổ chức Hải quan thế giới)
WTO	World Trade Organization (Tổ chức Thương mại thế giới)
XNK	Xuất nhập khẩu

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số bảng	Tên bảng	Trang
1.1	Tám bước Kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu	22
1.2	Sơ đồ kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan	24
1.3	Sơ đồ kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan	26
2.1.2	Sơ đồ bộ máy tổ chức của Cục Hải quan TP Hải Phòng	37
2.3	Kết quả chung về hoạt động xuất nhập khẩu qua Cảng Hải Phòng từ năm 2013 - 2017	39

DANH MỤC CÁC HÌNH

Số hình	Tên hình	Trang
2.1	Cơ cấu nhân sự của Cục Hải quan TP Hải Phòng theo trình độ chuyên môn	38
2.2	Cơ cấu nhân sự của Cục Hải quan TP Hải Phòng theo độ tuổi	38

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Ngày 01 tháng 01 năm 2015, Luật Hải quan số 54/2014/QH13 có hiệu lực; Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài Chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu cũng được ban hành và thực hiện. Theo đó, một số nội dung rất quan trọng của Luật Hải quan được thay đổi, trong đó có nội dung về công tác kiểm tra sau thông quan; trong đó lĩnh vực xác định trị giá tính thuế trong Công tác Kiểm tra sau thông quan (KTSTQ) có sự thay đổi toàn diện, hướng đến giá trị thực của hàng hóa, hạn chế và từng bước kiểm soát hành vi gian lận, trốn thuế qua khai báo trị giá.

Trong thực tế công tác tại Chi cục Kiểm tra sau thông quan - Cục Hải quan TP Hải Phòng tôi đã nghiên cứu, áp dụng kiến thức đã được học vào công việc và tôi thực sự quan tâm đến hoạt động kiểm tra, xác định trị giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu, chính vì vậy tôi đã chọn đề tài "*Nâng cao hiệu quả kiểm tra trị giá Hải quan trong hoạt động kiểm tra sau thông quan tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng*" để làm đề tài tốt nghiệp. Đề tài nhằm phân tích thực trạng của hoạt động KTSTQ trong lĩnh vực trị giá tính thuế để thấy tầm quan trọng của hoạt động này cũng như các vấn đề tồn tại trong khâu tổ chức thực hiện, từ đó đề xuất các biện pháp nhằm kiểm soát hành vi gian lận về trị giá khai báo hải quan của doanh nghiệp, nhằm tạo sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp làm ăn chân chính, đồng thời một phần nào đó cũng nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về hải quan.

2. Tổng quan các Công trình nghiên cứu trong và ngoài nước

2.1. Tổng quan các công trình trong nước

Tại Việt Nam đã có một số công trình nghiên cứu khoa học cấp ngành, một số luận án Thạc sĩ, Tiến sĩ nghiên cứu trong lĩnh vực kiểm tra trị giá trong hoạt động Kiểm tra sau thông quan, cụ thể như:

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Ngành: "Xác định lộ trình tiến tới thực hiện Hiệp định trị giá GATT/WTO và các giải pháp thực thi" (Năm 2000) do Cục Kiểm tra thu thuế xuất nhập khẩu thuộc Tổng Cục Hải quan thực hiện;

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Học Viện: Đề tài khoa học "Kiểm tra trị giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu", (năm 2012) của Th.s Nguyễn Thị Lan Hương - Th.s Phạm Thị Bích Ngọc, Học viên tài chính;

- Đề tài khoa học "Các giải pháp chống thất thu thuế Nhập khẩu ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế" (2012), TS Vương Thu Hiền, Học viên Tài chính.

- Luận văn thạc sĩ kinh tế "Quản lý giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở Việt Nam hiện nay" (năm 2011) của tác giả Mai Thị Vân Anh, Học viên tài chính;

- Luận văn thạc sĩ luật học "Trị giá hải quan của WTO, thực trạng và áp dụng tại Trung Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam" (năm 2012) của tác giả Đào Ngọc Thành;

- Luận văn thạc sĩ "Quản lý giá tính thuế hàng hóa tại Cục Hải quan Tỉnh Quảng Trị" (năm 2012) của tác giả Đinh Ngọc Thanh;

Ngoài ra, tác giả còn tham khảo các bài báo, bài viết được đăng trên các tạp chí chuyên ngành, các bài hội thảo có liên quan đến trị giá hàng hóa nhập khẩu, pháp luật về trị giá hải quan.

2.2. Tổng quan các công trình ngoài nước

Theo nghiên cứu, tìm hiểu của tác giả, trên thế giới hiện nay có nhiều tài liệu, đề tài liên quan tới hoạt động kiểm tra sau thông quan trong lĩnh vực trị giá hải quan. Một số nghiên cứu của tác giả nước ngoài như:

- ASEAN Customs Valuation Guild, ASEAN Secretariat, 2003 (Hiệp hội định giá hải quan Asean);
- The Brussels Definition of Value and the GATT Valuation Agreement (Định nghĩa giá trị Brussels và Hiệp định giá trị GATT);
- A comparison, Doc.31480/Rev.1, Valuation Directorate, Brussels, 1985;
- ASEAN Post-Clearance Audit Manual-The Final Draft 2004, Jakarta; Igara K (Sổ tay kiểm tra sau thông quan);
- Seminar on Risk Management and Post- Entry Audit, 7-10 June 2005, Zhenzhen (Hội thảo về quản lý rủi ro);
- Computer Assisted Audit, Asean PCA Trainer 20 February 2006;
- Colloque international sur l'evaluation en douane (Tuyển tập quốc tế về định giá hải quan), Tổ chức hải quan thế giới, 1995;

Các tài liệu được nêu trên đều đề cập đến một số khía cạnh của công tác kiểm tra sau thông quan trong lĩnh vực trị giá hải quan, hầu hết các tài liệu đều nghiên cứu trong bối cảnh tự do hóa thương mại trên các quốc gia khác nhau phù hợp với từng điều kiện cụ thể của từng quốc gia, đây sẽ là các tài liệu tham khảo tốt nhằm hoàn thiện việc nghiên cứu tổng hợp trong phần lý luận của đề tài này.

2.3. Nội dung kế thừa và khoảng trống nghiên cứu

Từ các tài liệu thu thập được, tác giả đã hệ thống, nghiên cứu và có một số đánh giá như sau:

Các bài viết, các đề tài đã đề cập cụ thể đến khái niệm về Kiểm tra sau thông quan, công tác kiểm tra trị giá trong lĩnh vực kiểm tra sau thông quan theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó các tài liệu còn đề cập đến đặc điểm, vai trò của của KTSTQ và Trị giá hải quan theo quan điểm của quốc tế, pháp luật của một số quốc gia và pháp luật Việt Nam. Một số công trình đã phân tích chi tiết quá trình thực hiện công tác KTSTQ và trị giá hải quan của Hải quan các nước trên thế giới. Phân tích hiệu quả cũng như hạn chế trong quá trình thực hiện công tác KTSTQ, đặc biệt về lĩnh vực trị giá ở các nước khác nhau để rút ra những bài học trong quá trình thực hiện kiểm tra sau thông quan về trị giá tại Việt Nam.

Các đề tài nghiên cứu cấp Học Viện, cấp Bộ, cấp Tổng Cục đã phân tích mô số kỹ thuật nghiệp vụ KTSTQ như sử dụng một cách hiệu quả các công cụ kế toán, kiểm toán, kiểm tra hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và xây dựng hệ thống phân mềm thu thập, khai thác thông tin để phục vụ công tác KTSTQ.

Hầu hết các đề tài, công trình nghiên cứu đều đưa ra kiến nghị về việc hoàn thiện cơ sở pháp lý trong công tác KTSTQ và công tác TGHQ, chủ yếu tập trung vào 5 nhóm giải pháp chính sau: (I)- Kiến nghị hoàn thiện hành lang pháp lý về kiểm tra sau thông quan và trị giá hải quan; (II)- Hoàn thiện về quy trình thủ tục kiểm tra sau thông quan và trị giá hải quan; (III)- Nâng cao năng lực, trình độ của CBCC trong quá trình thực hiện nghiệp vụ KTSTQ; (IV)- Nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của đối tượng chịu sự kiểm tra sau thông quan; (V)- Tăng cường quan hệ phối hợp, hợp tác trao đổi thông tin với các cơ quan khác trong và ngoài ngành.

Có thể thấy mỗi tác giả đều nêu các giải pháp trên các khía cạnh khác nhau, đã tập trung vào phân tích đáp ứng nhu cầu phát triển nghiệp vụ KTSTQ trong ngành hải quan nói chung và công tác kiểm tra trị giá nói riêng, áp dụng vào thực tế tại thời điểm nghiên cứu. Tuy nhiên, ở thời điểm hiện tại tình trạng chuyển giá diễn ra khá phổ biến gây nhiều bất lợi cho công tác kiểm tra cũng như việc thu thuế đúng và đủ cho ngân sách nhà nước. Việc nghiên cứu làm rõ thực trạng công tác KTSTQ về trị giá để từ đó đề xuất các giải pháp sát thực, khả thi để kịp thời khắc phục những bất lợi hiện nay vẫn là vấn đề thời sự.

3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về kiểm tra trị giá Hải quan và KTSTQ.
- Nghiên cứu quy trình KTSTQ trong lĩnh vực trị giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu loại hình nhập kinh doanh tiêu dùng (mã loại hình A11).
- Đánh giá tình hình thực hiện quy trình KTSTQ trong lĩnh vực trị giá tính thuế tại Cục Hải quan TP Hải Phòng.
- Đề xuất một số biện pháp kiểm soát trị giá hàng nhập khẩu, chống gian lận trong việc khai báo trị giá hàng hóa và trên cơ sở đó kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về hải quan.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài: Công tác KTSTQ trong lĩnh vực kiểm tra trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu loại hình nhập kinh doanh tiêu dùng (mã loại hình A11).

- Phạm vi nghiên cứu của đề tài: Nghiên cứu việc thực hiện quy trình KTSTQ trong kiểm tra trị giá tính thuế loại hình A11 tại Cục Hải quan TP Hải Phòng trong một khoảng thời gian nhất định, từ đó rút ra những giải pháp đóng góp mang tính cá nhân để tham mưu cho lãnh đạo cấp trên, hoàn thiện quy trình KTSTQ về trị giá tính thuế trong thời gian tới.

5. Phương pháp nghiên cứu của đề tài

Các phương pháp tác giả sử dụng để nghiên cứu:

- Phương pháp tổng hợp thống kê: là kết quả của giai đoạn điều tra thông tin ban đầu cho chúng ta các dữ liệu thô về các đặc trưng riêng biệt của từng đơn vị tổng thể. Các dữ liệu này mang tính chất rời rạc, rất khó quan sát để đưa ra các nhận xét chung cho cả hiện tượng nghiên cứu và cũng không thể sử dụng ngay vào phân tích và dự báo thống kê được.

- Phương pháp phân tích và tổng kết kinh nghiệm: là phương pháp nghiên cứu và xem xét lại những thành quả thực tiễn trong quá khứ để rút ra kết luận bổ ích cho thực tiễn và khoa học.

6. Nguồn gốc số liệu và dữ liệu nghiên cứu

- Báo cáo tổng kết năm Cục Hải quan TP Hải Phòng (2013, 2014, 2015, 2016, 2017); Báo cáo tổng kết năm Chi cục Kiểm tra sau thông quan (2014 - 2017);

- Các văn bản chỉ đạo của Cục Hải quan TP Hải Phòng và Tổng cục Hải quan năm 2015, 2016, 2017.

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

- Về mặt khoa học, đề tài đề cập đến những nội dung cơ bản của quy trình KTSTQ về trị giá tính thuế loại hình A11, đây là một nghiệp vụ rất quan trọng trong hoạt động KTSTQ nói riêng và quản lý nhà nước về hải quan nói chung.

- Về mặt thực tiễn, đề tài đưa ra một số biện pháp mang tính tham khảo nhằm góp phần phát hiện, kiểm soát các hành vi gian lận trong việc khai báo trị giá hàng hóa nhập khẩu, đồng thời hoàn thiện hơn nữa quy trình KTSTQ, đồng thời tạo cho các doanh nghiệp một môi trường kinh doanh bình đẳng trong hoạt động xuất nhập khẩu nói riêng và trong nền kinh tế nói chung, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

8. Kết cấu của Đề tài

Ngoài phần mở đầu, danh mục bảng, biểu đồ, hình, phụ lục, tài liệu tham khảo, và kết luận. Kết cấu chính của Đề tài bao gồm 3 chương:

Chương I: Cơ sở lý luận về hoạt động kiểm tra sau thông quan trong lĩnh vực hải quan.

Chương II: Thực trạng hoạt động kiểm tra sau thông quan trong lĩnh vực trị giá đối với hàng hóa nhập khẩu theo loại hình nhập kinh doanh tiêu dùng (A11) tại Cục Hải quan TP Hải Phòng.

Chương III: Một số biện pháp tăng cường kiểm soát trị giá hàng hóa nhập khẩu theo loại hình Nhập kinh doanh tiêu dùng (A11) trong hoạt động kiểm tra sau thông quan tại Cục Hải quan TP Hải Phòng.

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

1.1. TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

1.1.1. Cơ sở hình thành, cơ sở pháp lý Kiểm tra sau thông quan

1.1.1.1. Một số khái niệm cơ bản

Theo quy định tại Luật Hải quan số 54/2014/QH13 thì: Kiểm tra sau thông quan là hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan đối với hồ sơ hải quan, sổ kế toán, chứng từ kế toán và các chứng từ khác, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến hàng hóa; kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp cần thiết và còn điều kiện sau khi hàng hóa đã được thông quan. Việc kiểm tra sau thông quan nhằm đánh giá tính chính xác, trung thực nội dung các chứng từ, hồ sơ mà người khai hải quan đã khai, nộp, xuất trình với cơ quan hải quan; đánh giá việc tuân thủ pháp luật hải quan và các quy định khác của pháp luật liên quan đến quản lý xuất khẩu, nhập khẩu của người khai hải quan.

Trị giá hải quan hàng hóa nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên được xác định bằng cách áp dụng tuần tự sáu phương pháp xác định trị giá hải quan quy định tại Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 và dừng ngay ở phương pháp xác định được trị giá hải quan.

1.1.1.2. Cơ sở hình thành hoạt động Kiểm tra sau thông quan

Quá trình toàn cầu hóa kinh tế đang đặt ra nhiều thách thức đối với nhiều quốc gia trên thế giới. Phát triển kinh tế thuận lợi hay khó khăn là do lợi ích mà quá trình toàn cầu hóa kinh tế mang lại thông qua hoạt động thương mại để tận dụng lợi thế so sánh, của quá trình giao thương kinh tế của mỗi quốc gia. Phát triển kinh tế đồng nghĩa với việc tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu, lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua các cửa khẩu biên giới, cửa khẩu cảng biển tăng lên nhanh chóng. Ngành Hải quan đã tăng cường nhiều nguồn lực về con người và trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, tuy nhiên việc kiểm tra, kiểm soát hiệu quả đối với lượng hàng hóa lưu chuyển qua các cửa khẩu là vấn đề hết sức phức tạp và khó khăn.

Bên cạnh đó, thương mại quốc tế phát triển đã hình thành tổ chức thương mại song phương và đa phương như: Hiệp định thương mại Việt Mỹ, Hiệp định trị giá GATT/WTO, Hiệp định CEPT/AFTA... Các hiệp định này một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại quốc tế phát triển, nhưng cũng đặt ra nhiều yêu cầu khắt khe cho các quốc gia thành viên tham gia hiệp định. Thực tế đó đã tạo ra sức ép lớn đối với nền kinh tế nói chung và ngành Hải quan nói riêng. Mục tiêu thông quan được khối lượng hàng hóa phải kiểm tra, kiểm soát lớn; thời gian lưu trữ hàng hóa để kiểm tra tại cửa khẩu ngăn; Bên cạnh đó phải đảm bảo chống gian lận thương mại; đảm bảo phải thu đúng, thu đủ tiền thuế cho ngân sách nhà nước (NSNN).

Trong khi đó để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ thì cơ quan hải quan lại đối mặt với thực tế khó khăn là thiếu thông tin về hàng hóa, trị giá hàng hóa khai báo hải quan, bên cạnh đó trình độ nghiệp vụ của một số cán bộ công chức (CBCC) tại một số đơn vị vẫn còn hạn chế. Thời gian có hạn, CBCC không thể thực hiện kiểm tra toàn bộ hàng hóa mà chỉ có thể “kiểm tra đại diện” xác suất thường không quá 10% lô hàng và các chứng từ do chủ hàng xuất trình, vì thế chỉ kiểm tra được một phần, phần chìm lại nằm ở các chứng từ, sổ sách kế toán, chứng từ ngân hàng,... do người nhập khẩu nắm giữ.

Kinh nghiệm tổ chức hải quan hiện đại trên thế giới cho thấy nếu chỉ dừng lại ở việc kiểm tra, kiểm soát của hải quan tại cửa khẩu thì không những không thể phát hiện và ngăn chặn được các trường hợp cố ý gian lận mà còn gây chậm trễ, ách tắc cho hoạt động nhập khẩu hàng hóa. Theo quan điểm của Tổ chức hải quan thế giới (WCO): Trong điều kiện hiện nay, việc duy trì và phát triển hệ thống KTSTQ của ngành Hải quan là tuyệt đối cần thiết vì một hệ thống KTSTQ đủ mạnh có thể ngăn chặn và phát hiện mọi hình thức gian lận thương mại, đặc biệt là gian lận về trị giá hải quan, cho dù hệ thống trị giá hải quan đó được xác định theo bất cứ phương pháp nào. Thực chất KTSTQ là việc kiểm tra tính xác thực của các thông tin do Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu đã khai báo với cơ quan hải quan, việc kiểm tra đó được thực hiện thông qua việc kiểm tra các chứng từ thương mại, hồ sơ chứng từ ngân hàng, sổ sách kế toán lưu giữ tại doanh nghiệp... và các chứng từ khác có liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu. Xuất phát từ yêu cầu

ng nghiệp vụ này mà Tổ chức hải quan thế giới và Hải quan các nước gọi nghiệp vụ này là "Kiểm toán sau thông quan" (Post Clearance Audit - PCA) hoặc "Kiểm toán hải quan", tại Việt Nam ta gọi là "Kiểm tra sau thông quan".

1.1.1.3. Cơ sở pháp lý của Kiểm tra sau thông quan

Đứng trước yêu cầu thực hiện lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế mà Việt Nam đã và đang tham gia, năm 2001 Luật Hải quan được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua, đã đặt nền móng cơ sở pháp lý cho hoạt động kiểm tra sau thông quan; Tại Điều 32 Luật Hải quan quy định: "Trong trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan, cơ quan hải quan được áp dụng biện pháp kiểm tra sau thông quan". Luật cũng quy định: "Trong quá trình kiểm tra, theo yêu cầu của cơ quan hải quan, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tạo điều kiện, cung cấp chứng từ kế toán, các thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ cho việc kiểm tra của cơ quan hải quan".

Năm 2014, Luật Hải quan được Quốc hội thông qua ngày 23/6/2014, đã được cụ thể hóa trong Mục 9 với 5 Điều từ Điều 77 đến Điều 82 quy định về Kiểm tra sau thông quan. Theo đó: "Kiểm tra sau thông quan là hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan đối với hồ sơ hải quan, sổ kế toán, chứng từ kế toán và các chứng từ khác, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến hàng hóa; kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp cần thiết và còn điều kiện sau khi hàng hóa đã được thông quan. Việc kiểm tra sau thông quan nhằm đánh giá tính chính xác, trung thực nội dung các chứng từ, hồ sơ mà người khai hải quan đã khai, nộp, xuất trình với cơ quan hải quan; đánh giá việc tuân thủ pháp luật hải quan và các quy định khác của pháp luật liên quan đến quản lý xuất khẩu, nhập khẩu của người khai hải quan .

Kiểm tra sau thông quan được thực hiện tại trụ sở cơ quan hải quan, trụ sở người khai hải quan. Trụ sở người khai hải quan bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, cửa hàng, nơi sản xuất, nơi lưu giữ hàng hóa. Thời hạn kiểm tra sau thông quan là 05 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan". Luật Hải quan đã quy định rõ về các trường hợp "KTSTQ (Điều 78), việc KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan và trụ sở người khai hải quan (Điều 79, Điều 80), về Nhiệm vụ và quyền hạn của công chức

hải quan trong KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan (Điều 81), Quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan trong KTSTQ (Điều 82)".

1.1.2. Vai trò, mục đích của Kiểm tra sau thông quan

1.1.2.1. Vai trò của Kiểm tra sau thông qua

Kiểm tra sau thông quan là mô hình đã được xây dựng và phát triển có hiệu quả ở hầu hết các quốc gia phát triển trên thế giới tuy có khác nhau về tên gọi, cơ cấu tổ chức, môi trường pháp lý, đào tạo cán bộ,... Nhưng lại hoàn toàn giống nhau về chức năng cơ bản là phát hiện và ngăn chặn gian lận thương mại trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thông qua hoạt động KTSTQ. Hiện nay, việc kiểm tra thực tế hàng hóa tại cửa khẩu là rất ít (không quá 15% số lô hàng qua cửa khẩu, tỷ lệ kiểm tra hàng hóa theo lô hàng chủ yếu dưới 10%) chủ yếu tập trung phát hiện hàng hóa cấm XNK, hàng hóa bị hạn chế XNK. Thời gian kiểm tra tối đa của việc kiểm tra thực tế hàng hóa là 8 giờ, trường hợp đặc biệt gia hạn không quá 2 ngày. Việc kiểm tra bộ chứng từ trong quá trình thông quan cũng đã quy định tối đa là 2 giờ làm việc kể từ khi tiếp nhận để giải quyết thủ tục thông quan. Do đó việc tăng cường hoạt động KTSTQ thay thế cho phương thức kiểm tra tại cửa khẩu có vai trò rất quan trọng để đảm bảo hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về hải quan:

Thứ nhất, thực hiện được việc chống gian lận thương mại có hiệu quả hơn mà vẫn giải quyết được việc thông quan hàng hóa nhanh chóng tại các cửa khẩu góp phần tích cực vào phát triển thương mại quốc tế.

Thứ hai, đảm bảo việc chấp hành Luật Hải quan, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, các quy định về XNK của các Bộ, ngành liên quan và các hiệp định thương mại quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

Thứ ba, giúp hoạt động sản xuất hàng hóa và nhập khẩu hàng hóa được thuận lợi hơn, đảm bảo cho doanh nghiệp trong nước có lợi thế để cạnh tranh với hàng hóa và doanh nghiệp của các nước khác trên thị trường quốc tế.

Thứ tư, phát hiện và ngăn ngừa tình trạng gian lận và hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp.

Thứ năm, ngăn chặn tình trạng gian lận và trốn thuế nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ tiền thuế cho NSNN.

1.1.2.2. Mục đích của Kiểm tra sau thông quan

Thẩm định tính chính xác, trung thực của các nội dung khai báo về đối tượng quản lý của cơ quan hải quan; đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật hải quan của người khai hải quan; kiểm tra một cách có hệ thống các hoạt động gian lận thương mại; tạo thuận lợi cho việc lưu chuyển hàng hóa nhập khẩu, bảo vệ nguồn thu cho ngân sách nhà nước; khai thác bố trí, sắp xếp nhân lực và phương tiện kiểm tra hải quan hiệu quả nhất.

1.1.3. Đặc điểm của Kiểm tra sau thông quan

Các chính sách về hàng hóa nhập khẩu (NK) thường hướng vào việc thúc đẩy hoạt động nhập khẩu (NK), khuyến khích hoạt động xuất khẩu (XK), tăng cường sản xuất trong nước. Do hoạt động NK bị hạn chế nhằm thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển nên thường có thuế suất NK cao. Do đó, hoạt động KTSTQ chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực mặt hàng NK có rủi ro xảy ra gian lận, sai sót cao, gây ảnh hưởng đến nguồn thu của ngân sách nhà nước cũng như hiệu quả của các chính sách XNK.

Đặc điểm cơ bản của KTSTQ bao gồm: KTSTQ là một bộ phận của cơ quan hải quan; là một phương pháp kiểm tra của cán bộ hải quan; KTSTQ diễn ra sau khi đã giải phóng hàng hóa (hàng hóa đã được thông quan); KTSTQ được tiến hành để xác định mức độ tuân thủ các yêu cầu của pháp luật hải quan và các quy định khác có liên quan của các nội dung khai hải quan; KTSTQ thực hiện các biện pháp kiểm tra theo tất cả các thông tin có liên quan, bao gồm cả dữ liệu điện tử, do các cá nhân, đơn vị có liên quan cung cấp; KTSTQ không chỉ hướng vào đối tượng khai báo mà còn cả các cá nhân, tổ chức khác có liên quan đến hoạt động thương mại quốc tế; KTSTQ được thực hiện với sự cộng tác chặt chẽ giữa cơ quan hải quan và đối tượng kiểm tra.

1.1.4. Đối tượng và phạm vi Kiểm tra sau thông quan

1.1.4.1. Đối tượng Kiểm tra sau thông quan

KTSTQ chỉ kiểm tra các đơn vị có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu đang hoạt động trong phạm vi lãnh thổ quốc gia.

Không phân biệt thành phần kinh tế, nguồn vốn chủ sở hữu cũng không chờ đợi sự thỏa thuận hoặc văn bản yêu cầu của doanh nghiệp.

- Các chủ thể liên quan trực tiếp đến kinh doanh XNK chính là các chủ hàng XNK (doanh nghiệp hoặc cá nhân).

- Các chủ thể liên quan gián tiếp đến hoạt động XNK có thể là: (nhưng không chỉ giới hạn trong các đối tượng này):

+ Các đại lý khai thuế/môi giới hải quan: nắm giữ các chứng từ thương mại, hải quan, các thông tin khác về hàng hóa và trị giá.

+ Các doanh nghiệp XNK ủy thác: nắm giữ các thông tin giao dịch trước khi ký hợp đồng thương mại và thực hiện hợp đồng.

+ Các doanh nghiệp kho vận, logistics: nắm giữ các chứng từ vận chuyển hàng hóa, số lượng bản chất chủng loại, đơn giá, tổng trị giá hàng hóa.

+ Các hãng bảo hiểm hàng hóa XNK: phát hành và nắm giữ các chứng từ bảo hiểm, phí bảo hiểm (một yếu tố cấu thành trị giá hải quan) và các chứng từ khác (Trị giá bảo hiểm, số tiền bảo hiểm) để xác định trị giá hải quan, mối quan hệ tương tác về thời gian ghi trên chứng từ bảo hiểm với thời gian ghi trên các chứng từ khác có ý nghĩa quan trọng trong nghiệp vụ xét đoán chứng từ.

Tại một số các quốc gia thì các đối tượng có liên quan trực tiếp đến thương mại quốc tế (người XNK/người XNK ủy thác) là đối tượng trực tiếp của KTSTQ, các đối tượng khác có trách nhiệm hợp tác, giúp đỡ, và cung cấp các thông tin cần thiết khi cơ quan hải quan có yêu cầu.

1.1.4.2. Phạm vi Kiểm tra sau thông quan

Thứ nhất, KTSTQ đi sâu vào kiểm tra các loại chứng từ, hồ sơ liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu;

Thứ hai, căn cứ quan trọng để tiến hành KTSTQ là các dấu hiệu vi phạm, gian lận thuế, gian lận thương mại, vi phạm quy định về XNK;

Thứ ba, áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro để quyết định KTSTQ;

Thứ tư, địa điểm và thời hạn KTSTQ: Việc KTSTQ được thực hiện tại trụ sở cơ quan hải quan hoặc tại trụ sở người khai hải quan; Thời hạn kiểm tra tại trụ sở cơ quan hải quan tối đa là 5 (năm) ngày làm việc đối

với trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan, tối đa là 10 (mười) ngày làm việc đối với trường hợp kiểm tra theo kế hoạch.

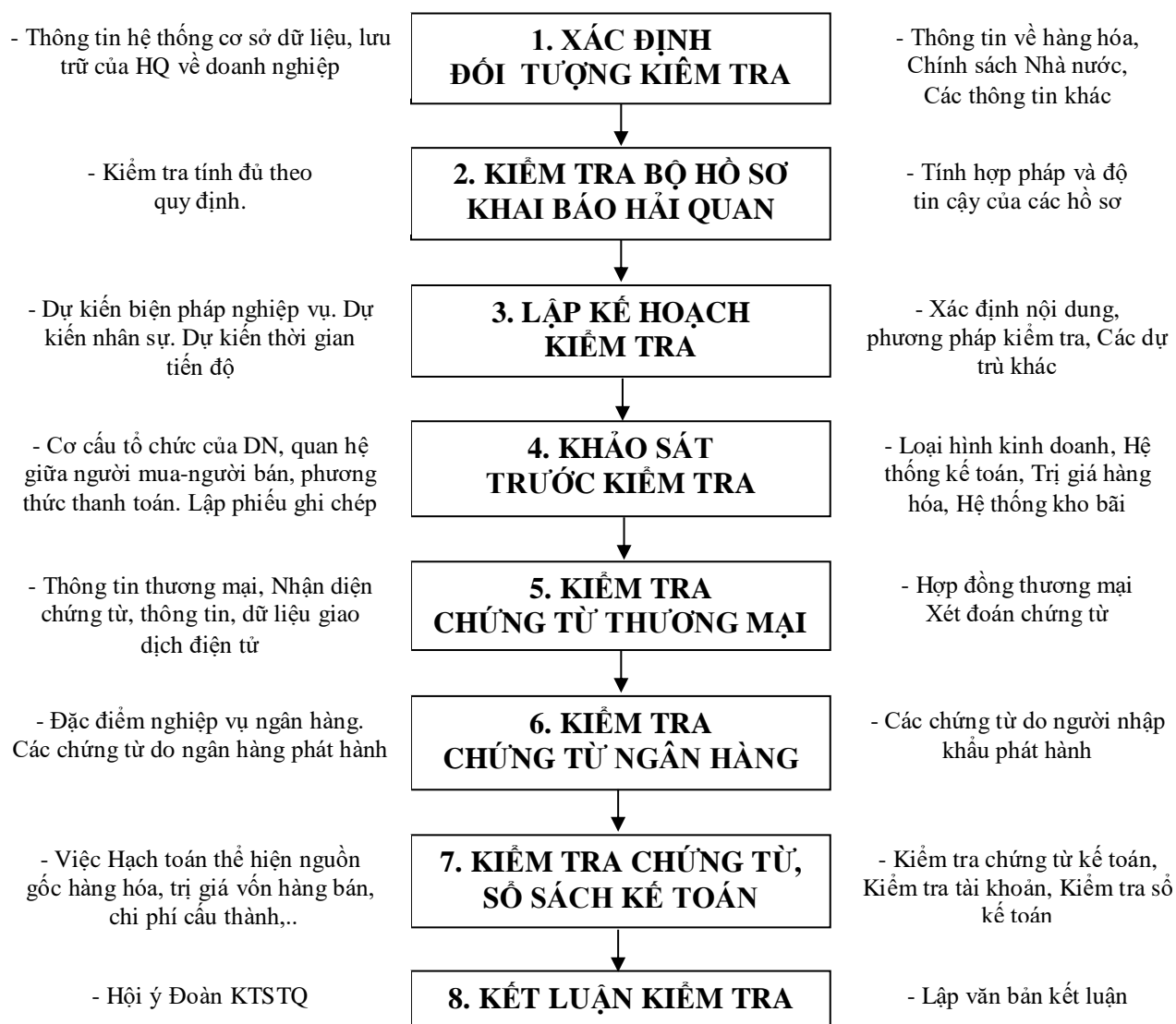
1.2. QUY TRÌNH VÀ TỔ CHỨC KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

1.2.1. Quy trình Kiểm tra sau thông quan

Quy trình KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu loại hình Nhập kinh doanh tiêu dùng (mã loại hình A11) cơ bản giống quy trình KTSTQ nói chung. Nếu trình tự của nghiệp vụ kế toán là bắt buộc không thể bỏ qua và cũng không thể đảo ngược thì trình tự KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu cơ bản là linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện thực tế và phụ thuộc một phần vào tư duy kiểm tra xem xét của đội ngũ công chức thực hiện KTSTQ và Trưởng đoàn kiểm tra. Không có một khuôn mẫu trình tự nhất định áp dụng cho mọi cuộc KTSTQ, nhưng xét về mặt khái quát thì trình tự tiến hành KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu phải thực hiện qua 8 bước:

Sơ đồ 1.1: Tám bước Kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu

Nguồn: Tổng cục Hải quan, Nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan, Hà Nội, 2015



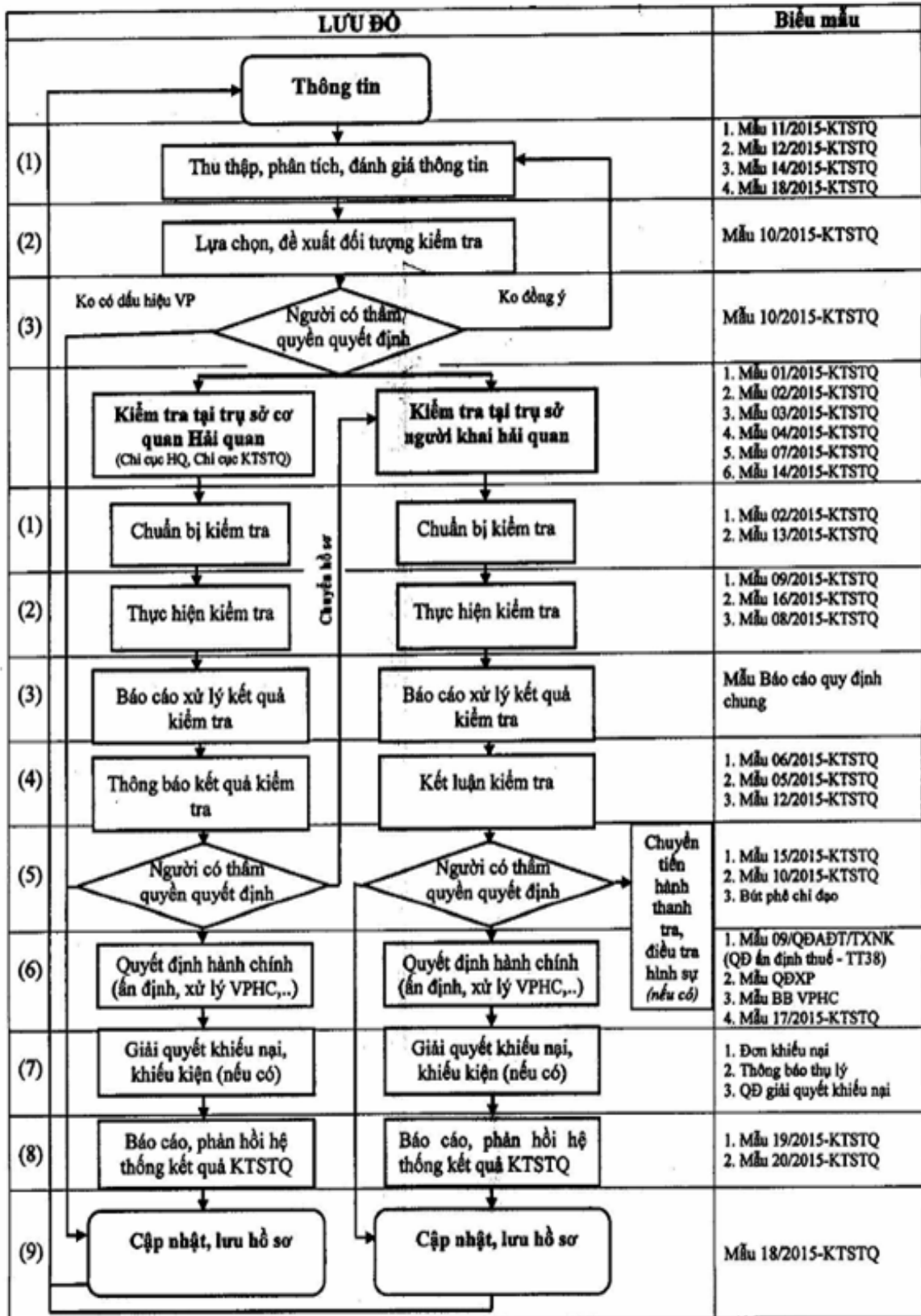
1.2.2. Tổ chức Kiểm tra sau thông quan

Kiểm tra sau thông quan được thực hiện tại trụ sở cơ quan hải quan, trụ sở người khai hải quan. Trụ sở người khai hải quan bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, cửa hàng, nơi sản xuất, nơi lưu giữ hàng hóa.

1.2.2.1. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan

KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan là hoạt động thường xuyên của cơ quan hải quan đối với hồ sơ hải quan, hàng hoá nhập khẩu đã được thông quan trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hàng hóa được thông quan đến ngày thông báo kiểm tra. KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan được thực hiện theo nguyên tắc quản lý rủi ro trên cơ sở các thông tin, hồ sơ:

- + Các thông tin, nghi vấn từ cơ sở dữ liệu của ngành.
- + Các dấu hiệu vi phạm, nghi ngờ từ các Chi cục Hải quan làm thủ tục thông quan hàng hóa, các đơn vị nghiệp vụ chuyên.
- + Các thông tin do Chi cục KTSTQ thu thập được về dấu hiệu vi phạm liên quan đến hàng hoá nhập khẩu đã được thông quan.



Sơ đồ 1.2. Sơ đồ kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1410/QĐ-TCHQ ngày 14/5/2015).

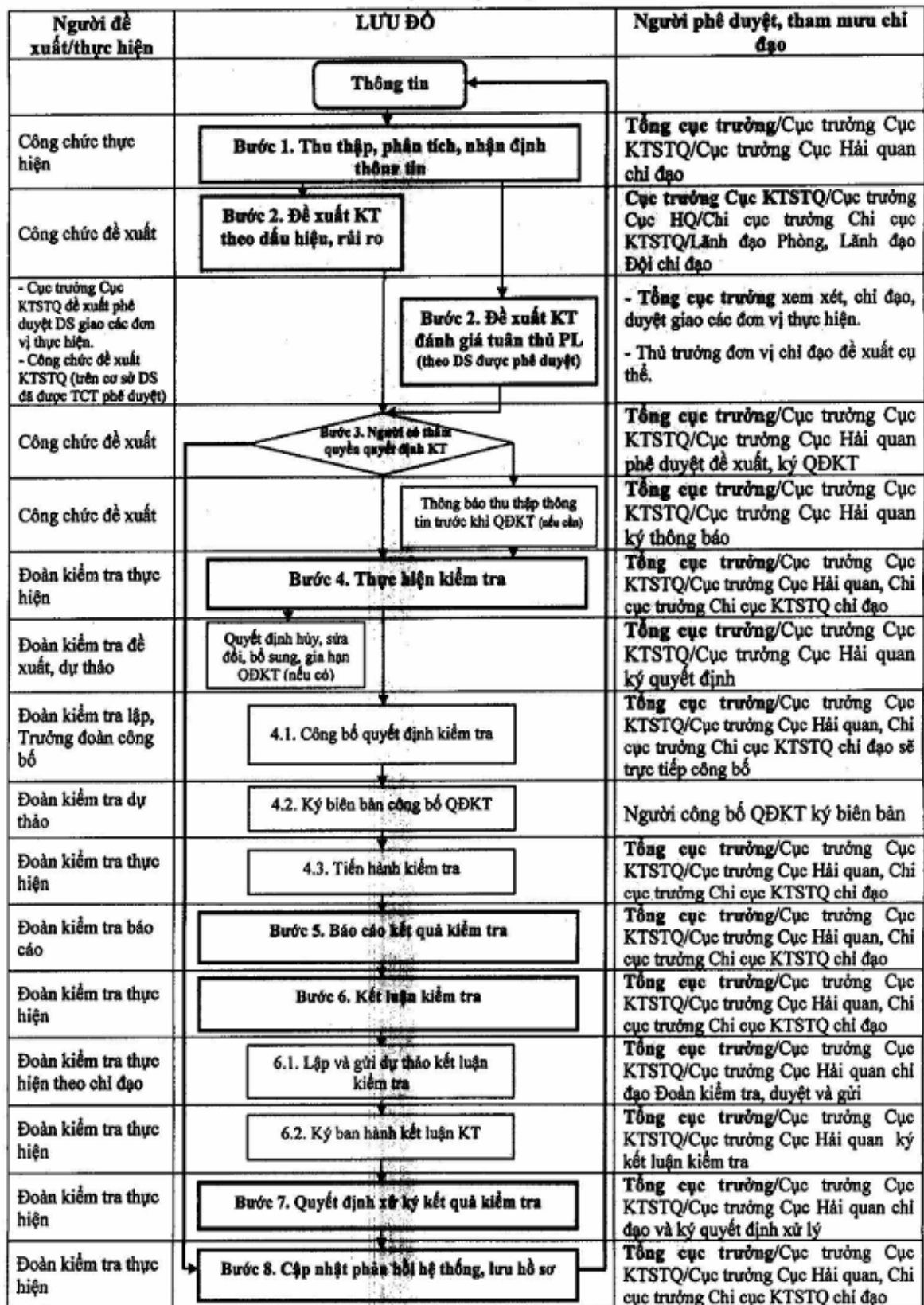
1.2.2.2. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan

+ KTSTQ đối với các trường hợp KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan chuyên do chưa xác định được hoặc xác định được dấu hiệu vi phạm và cần tiếp tục kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan để mở rộng diện kiểm tra xác định số lượng, khối lượng và mức độ vi phạm.

+ KTSTQ khi có dấu hiệu doanh nghiệp vi phạm pháp luật.

+ KTSTQ theo kế hoạch để thẩm định sự tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp và được thực hiện theo kế hoạch do Tổng cục Hải quan phê duyệt trên cơ sở đề nghị của Cục hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố.

+ KTSTQ theo chuyên đề, do Thủ trưởng cơ quan hải quan cấp trên chỉ đạo cho cấp thi hành.



Sơ đồ 1.3. Sơ đồ kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1410/QĐ-TCHQ ngày 14/5/2015).

1.2.2.3. Phân biệt Kiểm tra sau thông quan với một số hoạt động khác có liên quan

Phân biệt KTSTQ với hoạt động kiểm soát hải quan: Hoạt động nghiệp vụ của kiểm soát hải quan có thể diễn ra trước, trong và sau khi hàng hóa đã được thông quan, còn KTSTQ chỉ thực hiện sau khi hàng hóa đã được thông quan. Phân biệt với hoạt động thanh tra chuyên ngành: có sự trùng hợp nhất định trong lĩnh vực vi phạm về thuế NK. Đối tượng của thanh tra thuế NK bao gồm việc chấp hành pháp luật về thuế NK của cả đối tượng nộp thuế và cơ quan hải quan. Đối tượng của KTSTQ là các chứng từ của các cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động NK.

Phân biệt với hoạt động kiểm toán: KTSTQ ứng dụng những kiến thức và kỹ năng cơ bản của kiểm toán để xem xét, thẩm định tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu liên quan đến hàng hóa NK. Tuy nhiên, khác nhau về nguồn luật điều chỉnh; về tổ chức bộ máy, đối tượng kiểm tra và phạm vi hoạt động; về thẩm quyền xử lý vi phạm.

1.3. KINH NGHIỆM KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN QUỐC TẾ VÀ Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG

1.3.1. Kinh nghiệm Kiểm tra sau thông quan trên thế giới

Theo thông lệ Hải quan nhiều nước thì sau khi hoàn thành thủ tục Hải quan Các chủ hàng phải lưu giữ toàn bộ các chứng từ có liên quan đến lô hàng từ 3 đến 5 năm, thời gian này gọi là thời gian có hiệu hồi tố (The time of Retroactive effect). Vào bất cứ thời điểm nào trong thời gian có hiệu lực hồi tố khi cơ quan kiểm toán hải quan yêu cầu chủ hàng có nghĩa vụ phải xuất trình đầy đủ các chứng từ cần thiết để phục vụ cho các cuộc kiểm toán hải quan. Mọi khoản thuế còn thiếu (vì bất cứ lý do nào) do kiểm toán hải quan phát hiện trong thời gian có hiệu lực hồi tố thì chủ hàng đều phải truy nộp đầy đủ cho ngân sách, mọi hành vi khai báo gian lận với hải quan để trốn thuế đều bị phạt rất nặng.

Hiện nay Hải quan hầu hết các nước chỉ kiểm tra thực tế hàng hóa tại cửa khẩu rất ít (không quá 15%) và chủ yếu là tập trung phát hiện hàng cấm, hàng bị hạn chế nhập khẩu hoặc các lô hàng đặc biệt do cảnh sát quốc tế (Interpol) hoặc cơ quan

tình báo hải quan (Customs Intelligence) phát hiện. Khâu kiểm tra thuế, giá, số lượng bản chất hàng hóa... nếu trường hợp nào xét thấy cần thiết thì chuyển sang khâu KTSTQ.

Theo kinh nghiệm thực tế của Hải quan các nước và khuyến cáo của Tổ chức Hải quan thế giới WCO thì việc duy trì và phát triển nghiệp vụ kiểm toán sẽ giúp cho ngành hải quan: Chống gian lận thương mại có hiệu quả toàn diện hơn mà vẫn giải phóng hàng nhanh hơn do đó góp phần tích cực hơn vào phát triển thương mại quốc tế; Đảm bảo cho việc chấp hành luật Hải quan, các qui định về xuất nhập khẩu và các hiệp định thương mại quốc tế nghiêm túc hơn; Giúp cho khâu lưu thông hàng hóa trên thị trường nội địa phát triển thuận lợi và bảo vệ sản xuất trong nước tích cực hơn; Ngăn chặn tình trạng thất thu ngân sách; Triển khai các qui chế kiểm tra, kiểm soát hải quan tốt hơn. Quản lý tốt hơn các lĩnh vực giấy phép, hạn ngạch xuất nhập khẩu (quota) và chống bán phá giá (antidumping); Chấm dứt tình trạng "chỉ cần qua khỏi cửa khẩu hải quan là bình an vô sự " vì không còn ai hỏi đến nữa. Nếu trước đây quan niệm rằng Hải quan là người gác cửa thì với KTSTQ hải quan còn là người phát hiện và ngăn chặn gian lận thương mại trong thị trường nội địa.

Có lẽ tự thân các tác dụng trên đây của KTSTQ cũng đủ giải thích tại sao Hải quan các nước rất chú trọng đến việc duy trì phát triển và nâng cao hiệu lực công tác của hệ thống KTSTQ. Cho đến nay hầu hết các nước thành viên của Tổ chức hải quan thế giới (WCO) và Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đều duy trì và phát triển hệ thống KTSTQ: Hải quan Pháp có Trung tâm nghiên cứu phân tích hồ sơ (CERDOC), Australia có văn phòng kiểm toán chuyên ngành Hải quan (Customs Industrial Audit), Anh, Na uy, Irelan, Hà Lan có cơ quan kiểm toán hải quan quốc gia (Nationnal Customs Audit Office) Nhật Bản có Văn phòng kiểm toán sau thông quan (Bureau of Post Clearance Audit)... Tên gọi của các tổ chức này không giống nhau nhưng nội dung hoạt động thì về cơ bản không có gì khác nhau vì cùng thực hiện quyền kiểm tra kiểm soát của ngành hải quan đối với mọi chứng từ có liên quan đến hàng hóa nhập khẩu sau khi đã thông quan. Các tổ chức kiểm toán hải quan của các nước đều có quan hệ phối hợp trong công việc và giúp đỡ lẫn nhau trong việc trao đổi kinh nghiệm, đào tạo cán bộ nghiệp vụ hoặc là song phương trực

tiếp hoặc là thông qua Ủy ban kiểm toán sau thông quan (Post Clearance Audit Committee) của Tổ chức hải quan thế giới WCO.

So với các đồng nghiệp trong ngành hải quan thì KTSTQ là một chuyên ngành còn quá trẻ nhưng lại có những yêu cầu khắt khe về nghiệp vụ cũng như tác phong sinh hoạt, ví dụ Hải quan Nhật bản quy định trong khi kiểm tra tại doanh nghiệp nhân viên KTSTQ không được hút thuốc lá, không uống bia rượu và cấm nhận quà tặng. Về biên chế đội ngũ cán bộ nghiệp vụ KTSTQ của Hải quan các nước thường chiếm từ 3% đến 5% biên chế toàn ngành và được chọn lọc, đào tạo rất chu đáo.

1.3.2. Kinh nghiệm Kiểm tra sau thông quan ở một số địa phương

1.3.2.1. Kiểm tra sau thông quan của Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh

Xác định trị giá hải quan để làm rõ khoản nào phải cộng vào, khoản nào phải được trừ ra để đi đến trị giá thực tế trong hoạt động mua bán thương mại trong một số trường hợp là một việc rất khó, đặc biệt lại càng khó hơn khi gặp phải doanh nghiệp có ý định gian lận về giá mà doanh nghiệp đó có nghiên cứu, hiểu biết về kỹ thuật xác định trị giá hải quan. Ngoài ra việc KTSTQ xác định lại trị giá đã được các đơn vị hải quan cửa khẩu chấp nhận trong quá trình thông quan hàng hóa là việc không hề dễ vì để làm được, KTSTQ phải kiểm tra sổ sách kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính, các tài liệu, dữ liệu liên quan đến hàng hoá XNK, do doanh nghiệp xuất trình và các cơ quan có liên quan cung cấp trong quá trình kiểm tra, để phân tích, so sánh, xác định chính xác của việc khai các khoản liên quan đến trị giá theo quy định. Vì vậy, kết quả của việc kiểm tra sau thông quan tùy thuộc vào nhiều yếu tố khách quan và chủ quan như: khả năng thu thập thông tin, mức độ che dấu của doanh nghiệp, năng lực của CBCC, cơ chế quản lý và sự hợp tác của các cơ quan liên quan khác,... Những việc này hiện nay đều là những bài toán khó cho công tác KTSTQ.

Thứ nhất, nguồn thông tin về trị giá hiện nay, chủ yếu là từ các Phiếu chuyển nghiệp vụ từ các đơn vị trong Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh chuyển về, hoặc từ Cục KTSTQ, đội kiểm soát hải quan chuyên đến. Những thông tin này thường tham khảo tại cơ sở dữ liệu giá của ngành hải quan (hệ thống GTT01) hoặc tham khảo giá bán hàng hóa đó trên thị trường sau khi đã trừ chi phí. Do đó, những thông tin này

cũng đã sử dụng trong hoạt động thông quan hàng hóa tại cửa khẩu, nay Sau thông quan sử dụng để kiểm tra lại thì cũng chỉ dừng lại ở mức độ nghi vấn, chưa đủ cơ sở để tiến hành KTSTQ.

Vì vậy, cần xây dựng cơ chế thu thập, xử lý và sử dụng thông tin khoa học, đồng bộ, thống nhất trong toàn ngành; Đặc biệt, chú trọng đến vai trò của Tổng cục Hải quan trong việc tổng hợp thông tin từ các đơn vị chuyên về; phối hợp trao đổi và cung cấp thông tin giữa các đơn vị nhằm sử dụng thông tin có hiệu quả. Đối với các nguồn thông tin có chất lượng do các lực lượng kiểm soát, chống buôn lậu, tình báo hải quan,...cung cấp; cần có cơ chế cung cấp cụ thể để đảm bảo cung cấp kịp thời nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn thông tin; có cơ chế về sử dụng thông tin có trả phí nhằm tìm kiếm những thông tin thực sự có giá trị, có chất lượng phục vụ cho KTSTQ đạt hiệu quả cao.

Thứ hai, Trường hợp doanh nghiệp không hợp tác, che giấu thông tin bằng các thủ đoạn như trốn tránh, không tiếp đoàn kiểm tra, không xuất trình sổ sách kế toán, sử dụng 2 hệ thống sổ sách kế toán,...thì chế tài xử phạt cần tăng nặng hơn nữa, chế tài xử lý vi phạm hành chính hiện nay theo quy định tại Nghị định 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 chưa đủ sức răn đe. Trên thực tế, doanh nghiệp sẽ chấp nhận nộp phạt vi phạm hành chính hơn là cung cấp thông tin cho cơ quan hải quan.

1.3.2.2. Kinh nghiệm sau thông quan ở Cục Hải quan TP Hải Phòng

Thứ nhất, KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu loại hình A11 là một nghiệp vụ khó, đòi hỏi phải có sự tổng hợp về kiến thức chung của nhiều khâu nghiệp vụ, nhiều lĩnh vực trong ngành hải quan, đặc biệt giữa khâu sau thông quan với khâu thông quan hàng hóa.

Thứ hai, phải có sự chuẩn bị tốt công tác thu thập thông tin trước kiểm tra. Đây là bước quan trọng cho sự thành công của một cuộc KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu. Dữ liệu cần phải được chuẩn bị đầy đủ để phục vụ cho việc đấu tranh với doanh nghiệp như: Thông tin dữ liệu giá tính thuế (GTT01, GTT02), giá bán trên thị trường nội địa, giá bán trên thị trường quốc tế, chứng từ ngân hàng, đơn vị vận tải hàng hóa,...

Thứ ba, trong quá trình tổ chức thực hiện KTSTQ cần có sự phối hợp giữa cơ quan hải quan và các ngân hàng, cơ quan thuế nội địa để làm rõ được các khoản thanh toán ngoài hợp đồng, kịp thời phát hiện các trường hợp doanh nghiệp không khai báo, có dấu hiệu gian lận qua giá để trốn thuế.

Thứ tư, trong quá trình tổ chức thực hiện KTSTQ thì cần sự khéo léo trong ứng xử với doanh nghiệp, lắng nghe và chia sẻ với họ những khó khăn bất cập để tạo không khí hợp tác và tôn trọng pháp luật trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và hoạt động KTSTQ của cơ quan hải quan.

Thứ năm, khi phát hiện người khai hải quan không khai báo các khoản thanh toán, phải trả thực tế của hàng hóa thì phải đảm bảo bảo vệ được bằng chứng như: yêu cầu sao y sổ sách kế toán, chứng cứ tài liệu lưu trữ trước khi chứng minh với doanh nghiệp để đảm bảo tính bất ngờ nhằm mục đích không cho doanh nghiệp điều kiện chính sửa sổ sách, xây dựng bằng chứng giả thay thế, chối tội.

Thứ sáu, nội dung kiểm tra phải luôn bám sát với mục tiêu cụ thể của cuộc kiểm tra đề ra nhằm nhanh chóng tìm ra sự bất hợp lý, thu thập đủ các căn cứ chứng minh hợp pháp để buộc doanh nghiệp phải giải trình khoa học, hợp lý cả về luật pháp và thông lệ kinh doanh thương mại hay phải thừa nhận sự sai phạm của mình trong khai báo hải quan.

Kết luận chương 1

Chương 1 đã hệ thống các vấn đề lý luận về công tác kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan, vai trò và yêu cầu của kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan trong công cuộc hiện đại hóa hải quan. Mặt khác, bằng việc nghiên cứu kinh nghiệm kiểm tra sau thông quan của một số nước trên thế giới cũng như tại một số địa phương ngoài Hải Phòng, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm và những kinh nghiệm này sẽ là một trong những yếu tố để vận dụng đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan tại Cục Hải quan Hải Phòng trong những năm tiếp theo. Tác giả tiến hành nghiên cứu công tác kiểm tra trị giá đối với loại hình nhập tiêu dùng (Mã loại hình A11) vì đây là loại hình tờ khai mà các doanh nghiệp thực hiện kinh doanh xuất nhập khẩu khai báo nhập khẩu các mặt hàng sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, tiêu dùng như: đồ may

mặc, đồ gia dụng, đồ điện tử gia dụng, ô tô, xe máy. ... Đối với các mặt hàng này sau khi được thông quan hàng hóa sẽ được thương nhân bán ngay ra thị trường vì vậy công tác kiểm tra trị giá khai báo là hết sức cần thiết; hơn nữa thực trạng kê khai sổ sách kế toán đối với ngành thuế nội địa cũng gặp nhiều bất cập, gây khó khăn trong việc kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp dẫn đến việc thất thu thuế cho Ngân sách nhà nước. Vì vậy tác giả tập trung nghiên cứu công tác kiểm tra trị giá đối với các hàng hóa nhập tiêu dùng (mã loại hình A11) thay vì nghiên cứu công tác kiểm tra trị giá của tất cả các loại hàng hóa khác.

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN TRONG LĨNH VỰC TRỊ GIÁ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THEO LOẠI HÌNH NHẬP KINH DOANH TIÊU DÙNG TẠI CỤC HẢI QUAN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

2.1. GIỚI THIỆU VỀ CỤC HẢI QUAN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

2.1.1. Giới thiệu sơ lược lịch sử hình thành và phát triển

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp thừa uỷ nhiệm của Chủ tịch Chính phủ cách mạng lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ký Sắc lệnh số 27/SL ngày 10 tháng 9 năm 1945 thành lập Sở Thuế quan và thuế gián thu, khai sinh ra ngành Hải quan Việt Nam, với nhiệm vụ là: Thu các loại thuế nhập cảng và xuất cảng, thu thuế gián thu. Sau đó ngành thuế quan được giao thêm nhiệm vụ chống buôn lậu thuốc phiện và quyền được định đoạt, hoà giải với các vụ vi phạm về thuế quan và thuế gián thu. Hệ thống tổ chức của ngành thuế quan và thuế gián thu toàn quốc gồm có: Ở Trung ương có Sở thuế quan và thuế gián thu (sau đổi thành Nha quan thuế và thuế gián thu) thuộc Bộ Tài chính. Ở địa phương chia làm 3 miền: Bắc bộ, Trung bộ và Nam bộ, mỗi miền có: Tổng thu Sở thuế quan; Khu vực thuế quan; Chính thu sở thuế quan; Phụ thu sở thuế quan.

Ngày 20 tháng 11 năm 1946, quân đội Pháp đã nổ súng vào thuế quan ta, chiếm Ty thuế quan Hải Phòng. Trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp của dân tộc, Hải quan Việt Nam cùng quân dân cả nước phối hợp cùng các lực lượng khác thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước là bao vây và đấu tranh kinh tế với địch. Hiệp định Geneve về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương được ký kết ngày 20 tháng 7 năm 1954, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Quân Pháp buộc phải rút quân khỏi trung du, đồng bằng Bắc Bộ về tập kết 300 ngày (khu vực Hải Phòng), chờ rút quân về nước. Chính phủ ban hành thể lệ, thủ tục mới về quản lý hoạt động xuất nhập khẩu giữa vùng giải phóng và “khu tập kết 300 ngày”. Bộ Công thương ban hành Nghị định số 87/BTC-NĐ-KB ngày 14 tháng 4 năm 1955 của Bộ công thương về việc thành lập Sở Hải quan Hải Phòng., bao gồm các đơn vị trực thuộc: phòng Tổ chức cán bộ; phòng Hành chính quản trị; phòng Giám quản hàng hoá xuất nhập khẩu và công cụ vận tải xuất nhập cảnh; phòng Kiểm hoá và

thuế - Giá biểu; Phòng Kiểm nghiệm hàng hoá; phòng Kiểm soát và xử lý; phòng Thuyền vụ làm nhiệm vụ bảo quản, điều động phương tiện thuỷ các loại để phục vụ công tác kiểm soát, sửa chữa, đóng mới tàu thuyền; đội Kiểm soát, giám sát vùng duyên hải; đội Thương cảng; phòng Hải quan Hòn Gai; phòng Hải quan Cửa Ông; phòng Hải quan Diêm Điền; phòng Hải quan Đồ Sơn; phòng Hải quan Cát Bà; phòng Quản lý xuất nhập khẩu.

Tháng 4/1958, Bộ Thương nghiệp chia tách thành 2 bộ là Bộ Nội thương và Bộ Ngoại thương, ngành Hải quan trực thuộc Bộ Ngoại thương. Hải quan Hải Phòng được đổi tên là Phân sở Hải quan Hải Phòng và trực thuộc Sở Hải quan Trung ương và trụ sở chuyển về số 22 Điện Biên Phủ - Hải Phòng. Ngày 17 tháng 6 năm 1962, Bộ Ngoại thương có Quyết định số 490/BNT-QĐ-TCCB đổi tên Sở Hải quan Trung ương thành Cục Hải quan Trung ương trực thuộc Bộ Ngoại thương và đổi tên Phân sở Hải quan Hải Phòng thành Phân cục Hải quan Hải Phòng.

Đầu thập niên 80, tổ chức bộ máy và công tác cán bộ của Phân cục Hải quan Hải Phòng có nhiều biến động, bộ máy lúc đó bao gồm: phòng Tổ chức – Cán bộ; phòng Hành chính - quản trị; phòng Giám quản hàng mậu dịch; phòng Kiểm soát và xử lý tố tụng; phòng Tổng hợp - pháp chế; Hải quan bưu điện; Hải quan cảng chính; Trạm Hải quan cảng Chùa Vẽ.

Ngày 20/11/1984, sau khi được Hội đồng Nhà nước phê chuẩn thành lập Tổng cục Hải quan, Hội đồng Bộ trưởng đã ra Nghị định 139/1984/NĐ-HĐBT quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn, tổ chức bộ máy Tổng cục Hải quan. Phân cục Hải quan Hải Phòng được đổi tên gọi thành Hải quan Thành phố Hải Phòng gồm: phòng Tổ chức - cán bộ; phòng Hành chính - quản trị; phòng Giám quản; phòng Kiểm soát và xử lý tố tụng; phòng Tổng hợp - pháp chế; Hải quan Bưu điện; Hải quan cảng Hải Phòng; Hải quan Trạm trả hàng phi mậu dịch Vạn Mỹ. Về biên chế, đã được tăng lên đáng kể qua các năm 1986, 1987, 1988.

Năm 1994, Hải quan thành phố Hải Phòng được đổi tên thành Cục Hải quan TP Hải Phòng và thủ trưởng cơ quan được gọi là Cục trưởng cục Hải quan tỉnh, thành phố (Quyết định số 91/TCHQ-TCCB ngày 01 tháng 06 năm 1994 của Tổng cục Hải quan). Bộ máy tổ chức Cục Hải quan TP Hải Phòng gồm 13 phòng, ban và

đơn vị tương đương: Văn phòng; phòng Tổ chức cán bộ & đào tạo; Thanh tra; phòng Tài vụ - Quản trị; Hải quan Vạn Mỹ; Hải quan quản lý các KCX, KCN Hải phòng; Hải quan Diêm Điền (Thái Bình); Hải quan Hưng Yên; Hải quan Hải Dương; phòng Giám quản I; phòng Giám quản II; phòng Kiểm tra thu thuế XNK; Hải quan Bru điện Hải Phòng.

Năm 1998 thành lập Hải quan Cảng I và Hải quan Cảng II, đặt thêm 3 điểm thông quan tại Khu công nghiệp và khu chế xuất Hải Phòng, tại Hải Dương và Hưng Yên. Như vậy từ 5 điểm thông quan trong các năm 1996-1997 thì đến năm 1998 đã có 10 điểm thông quan được duy trì để đáp ứng yêu cầu giải phóng một số khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu ngày càng tăng.

Sau khi Luật Hải quan ra đời và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2002, bộ máy tổ chức của Tổng cục Hải quan và các cục Hải quan địa phương cũng được sắp xếp xây dựng theo quy định của Luật Hải quan và phù hợp với các quy định về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và quy trình nghiệp vụ Hải quan. Cục Hải quan TP Hải Phòng các phòng, ban tham mưu và tương đương, các Chi cục Hải quan cửa khẩu và Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu. Các đơn vị trực thuộc gồm 20 phòng ban và Chi cục (09 chi cục, 09 phòng ban tham mưu và 02 đơn vị tương đương). Gồm: Văn phòng; phòng Tổ chức cán bộ và đào tạo; phòng Thanh Tra; phòng Nghiệp vụ; phòng Trị giá tính thuế; phòng Kiểm tra sau thông quan; Phòng Tham mưu chống buôn lậu và xử lý; đội Kiểm soát Hải quan; Trung tâm dữ liệu và Công nghệ thông tin; Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực I; Chi cục hải quan CK cảng Hải Phòng khu vực II; Chi cục Hải quan CK cảng Hải Phòng khu vực III; Chi cục Hải quan Quản lý hàng đầu tư gia công; Chi cục Hải quan KCX, KCN Hải Phòng; Chi cục Hải quan Thái Bình; Chi cục Hải quan Hải Dương; Chi cục Hải quan Hưng Yên....

Hiện nay, Cục Hải quan TP Hải Phòng có địa chỉ tại số 159 đường Lê Hồng Phong, P.Đông Hải, Q.Hải An, là đơn vị lớn thứ hai toàn quốc, có 978 cán bộ, công chức và 79 hợp đồng lao động theo ND 68, 12 hợp đồng lao động khoán việc. Cục Hải quan Hải Phòng gồm 20 đơn vị Phòng, Chi cục Hải quan cửa khẩu và tương đương, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về Hải quan trên địa bàn rộng lớn

gồm thành phố Hải Phòng và các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình. Cụ thể: 09 chi cục Hải quan cửa khẩu và ngoài cửa khẩu, 09 phòng ban tham mưu, 02 đơn vị tương đương (Đội KSHQ là đơn vị tương đương cấp Chi cục và Chi cục kiểm tra sau thông quan là Chi cục thực hiện chức năng riêng biệt) để phù hợp với tình hình mới. Hàng năm, Cục Hải quan TP Hải Phòng trực tiếp làm thủ tục thông quan hàng hoá cho khoảng trên 11.000 doanh nghiệp trên phạm vi cả nước có hoạt động xuất nhập khẩu qua các cảng biển của Hải Phòng.

Trải qua hơn nửa thế kỷ trưởng thành và phát triển, Cục Hải quan thành phố Hải Phòng trở thành một đơn vị điển hình của Hải quan Việt Nam với rất nhiều thành tích xuất sắc. Đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, Hải quan Hải Phòng đã phát huy nội lực, sáng tạo, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào quản lý nhà nước về hải quan; liên tục là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua toàn ngành Hải quan. Cục Hải quan Hải Phòng luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt được những danh hiệu cao quý như: Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (năm 2006); Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì; Huân chương Độc lập hạng Nhì; Cờ Thi đua của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan; UBND TP Hải Phòng và 3 tỉnh Thái Bình, Hưng Yên, Hải Dương tặng nhiều cờ thi đua và bằng khen. Hàng trăm lượt cá nhân, tập thể được nhận Bằng khen của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan, Thành phố Hải Phòng, các tỉnh Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên. Đến năm 2015, Cục Hải quan Hải Phòng đã được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất. Trong các năm 2016, 2017 đều được bằng khen của Bộ Tài chính cho tập thể và các cá nhân có thành tích trong thi đua....

2.1.2. Sơ đồ bộ máy tổ chức của Cục Hải quan TP Hải Phòng



(Nguồn website Tổng cục Hải quan: <http://www.customs.gov.vn/>).

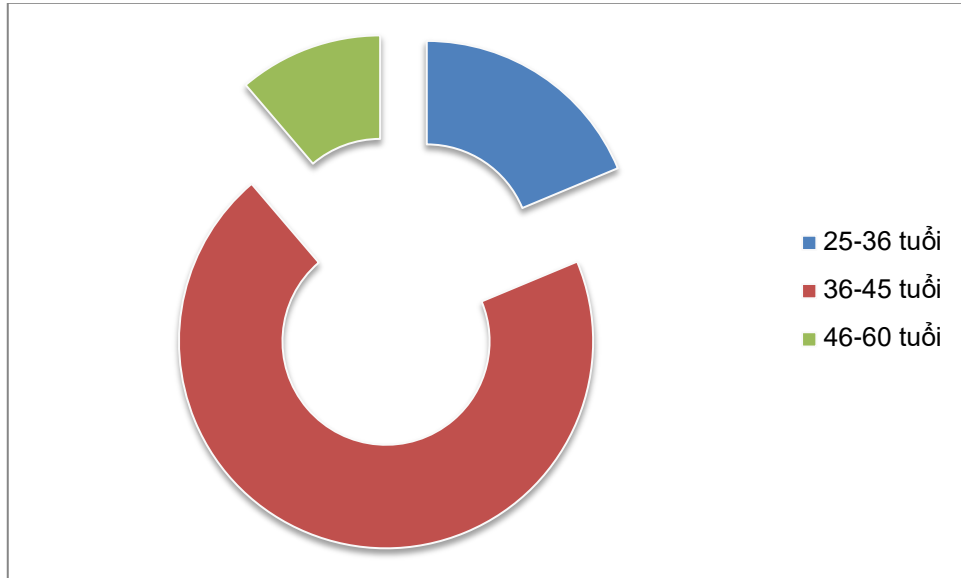
2.1.3. Nguồn nhân lực của Cục Hải quan TP Hải Phòng

a. Theo trình độ chuyên môn

Tính đến tháng hết 12/2017, toàn Cục hiện có 225 người có trình độ Thạc sĩ (chiếm tỷ lệ 23,01%); 746 người có trình độ Đại học (tỷ lệ 76,28%); Trung cấp 7 người (tỷ lệ 0,72%); Tốt nghiệp phổ thông trung học 0%.

Trình độ tin học: Cử nhân Tin học 46 người chiếm tỷ lệ 4,0%; Tin học cơ sở 96,0%; Sử dụng được trong công việc, chưa có chứng chỉ 0%.

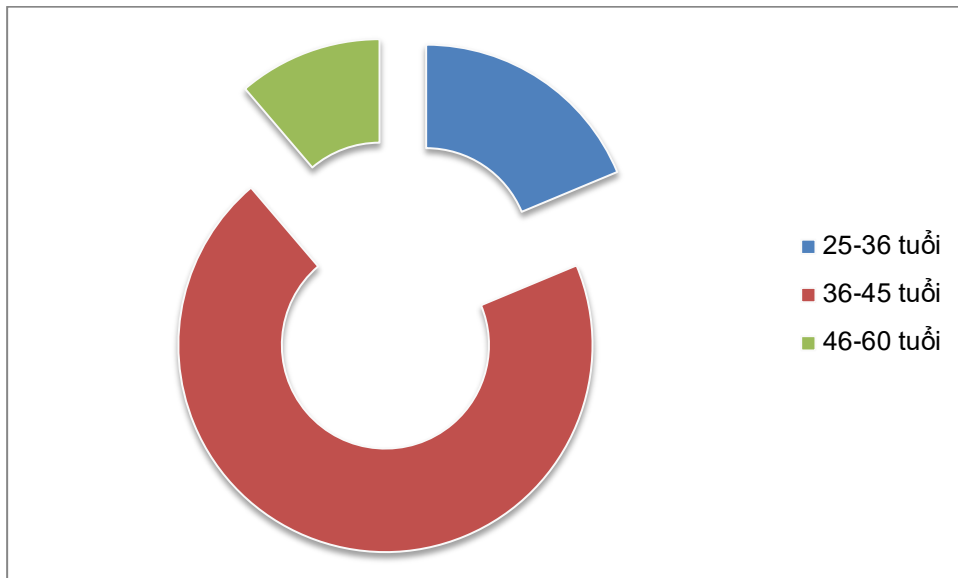
Tỷ lệ về trình độ chuyên môn của công chức được thể hiện theo hình 2.1. sau:



Hình 2.1: Cơ cấu nguồn nhân lực của Cục Hải quan TP Hải Phòng theo trình độ chuyên môn

b. Theo độ tuổi

Trong tổng số 978 cán bộ, công chức và hợp đồng lao động trong toàn Cục thì độ tuổi từ 25 - 35 tuổi có 183 người (tỷ lệ 16%), từ 36 - 45 tuổi: 685 người (tỷ lệ 60%), từ 46 đến 60 tuổi: 274 người (tỷ lệ 24%). Kết quả so sánh về độ tuổi của cán bộ công chức trong chi Cục được thể hiện ở hình 2.2 sau:



Hình 2.2: Cơ cấu nguồn nhân lực của Cục Hải quan TP Hải Phòng theo độ tuổi.

2.1.4. Kết quả chung về hoạt động xuất nhập khẩu qua cảng Hải Phòng trong giai đoạn từ năm 2013 - 2017

Trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến rất phức tạp, kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo; trong nước, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng kinh tế có bước phục hồi nhưng môi trường kinh doanh và năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp trong khi yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng cao. Nhận thức rất rõ những khó khăn, thách thức Cục Hải quan Thành Phố Hải Phòng đã xác định bằng bất kỳ khó khăn nào cũng phải hoàn thành nhiệm vụ chính trị ở mức cao nhất, đặc biệt là nhiệm vụ thu nộp ngân sách Nhà nước; kết quả đạt được trong giai đoạn năm 2013 - 2017 vừa qua, như sau:

Bảng 2.3. Kết quả chung về hoạt động xuất nhập khẩu qua cảng Hải Phòng từ năm 2013 - 2017

Năm	Tổng số doanh nghiệp tham gia thủ tục hải quan	Tổng số tờ khai hải quan	Kim ngạch xuất nhập khẩu (tỷ USD)	Số thu nộp ngân sách (tỷ VNĐ)	Chỉ tiêu thu nộp ngân sách (tỷ VNĐ)
2013	13.841	708.085	57.01	36.833	41.320
2014	13.788	1.471.224	60.55	40.031	38.600
2015	15.007	1.000.911	62.58	45.588	42.000
2016	17.039	1.178.998	56.44	47.614	48.590
2017	18.727	1.309.630	70.60	53.019	59.000

Nguồn: Báo cáo công tác năm của Cục Hải quan TP Hải Phòng

Đánh giá tổng quan:

Về số lượng doanh nghiệp tham gia thủ tục hải quan tại Cục Hải quan TP Hải Phòng, lực lượng này chủ yếu tập trung trên địa bàn TP Hải Phòng và 03 tỉnh Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình do Cục Hải quan TP Hải Phòng phụ trách, quản lý. Nhìn chung, trong suốt giai đoạn 2013 - 2017 số lượng doanh nghiệp tăng lên đáng kể từ 13.841 lên đến 18.727 doanh nghiệp, tương đương 26,0%; điều này cho thấy sự phát triển của hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, cụ thể về kim ngạch đã tăng vượt bậc, đặc biệt năm 2017 là 70,60 tỷ USD gấp 1,5 lần so với các năm còn lại.

Về số thu ngân sách: Hàng năm, Cục Hải quan TP Hải Phòng luôn được Tổng cục Hải quan giao nhiệm vụ cụ thể về số thu ngân sách phải nộp; nhận thức được điều đó, Cục luôn đẩy mạnh cải cách hiện đại hóa, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia hoạt động XNK, thực hiện quyết liệt các biện pháp quản lý thu, tăng cường công tác chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế, chống buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế..., do đó số thu ngân sách của Cục Hải quan TP Hải Phòng trong các năm vừa qua luôn tăng (năm sau cao hơn năm trước).

Cục Hải quan Hải Phòng được đánh giá là một trong những đơn vị có đội ngũ CBCC làm công tác nghiệp vụ chắc, mạnh cả về số lượng, về trình độ đào tạo và về kinh nghiệm thực tiễn. Qua rà soát theo các số liệu trên về trình độ và độ tuổi về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu công việc nghiệp vụ nói chung và nghiệp vụ hải quan điện tử nói riêng, Cục đã căn cứ theo trình độ, nhận thức, sức khỏe... để phân công công việc cho hợp lý, phù hợp, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Song còn có những hạn chế nhất định sau:

Nhận thức của cán bộ Hải quan về vai trò, lợi ích việc ứng dụng CNTT trong công tác hiện đại hóa không đầy đủ, còn tâm lý sử dụng theo phương thức truyền thống, ở giai đoạn bắt đầu triển khai các ứng dụng thường gặp nhiều khó khăn do lỗi cho máy móc trang bị thiếu, đường truyền không tốt, phần mềm còn lỗi. Năng lực trình độ không đồng đều, các công chức sử dụng hệ thống tại các khâu nghiệp vụ thường xuyên thay đổi, luân chuyển cũng gây khó khăn trong việc xử lý các khâu nghiệp vụ trên máy. Chính sách đào tạo nguồn nhân lực về công nghệ thông tin mới chỉ dừng ở đào tạo kỹ thuật cơ bản, thiếu định hướng lâu dài dẫn đến thiếu hụt đội ngũ chuyên gia trình độ cao đặc biệt là khâu phân tích, thiết kế các hệ thống lớn; quản trị dự án; đảm bảo chất lượng phần mềm.

Trên thực tế qua kết quả kiểm tra đánh giá, các số liệu trên chưa thể hiện đúng thực chất về trình độ của một số cán bộ công chức. Có khoảng 5-10% số lượng cán bộ công chức có trình độ thấp hơn bằng cấp, chứng chỉ được cấp, một số công chức trình độ về nghiệp vụ, tin học còn hạn chế, đến 20 % công chức tuổi cao, trình độ về CNTT còn hạn chế cũng ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả công việc. Như vậy, đòi hỏi Cục phải chú trọng việc đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ công chức cho phù hợp

với yêu cầu nhiệm vụ, nhất là cán bộ công chức ở bộ phận giám sát. Việc đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ công chức trong thời gian tới là rất quan trọng và cần thiết nếu muốn phát triển thủ tục hải quan điện tử trên diện rộng trong phạm vi toàn Cục, đồng thời quán triệt và bồi dưỡng văn hóa giao tiếp cho cán bộ công chức nhằm nâng cao hiệu quả và tạo hình ảnh đẹp của Cục trong cộng đồng Doanh nghiệp.

2.2. KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN CỦA CỤC HẢI QUAN HẢI PHÒNG

2.2.1. Giới thiệu sơ lược về Chi cục KTSTQ

Chi cục KTSTQ thuộc Cục Hải quan Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 34/2006/QĐ-BTC ngày 06/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính trên cơ sở chuyển đổi hoạt động của Phòng KTSTQ nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới.

Quá trình hơn 10 năm thành lập, xây dựng và phát triển của Chi cục KTSTQ thuộc Cục Hải quan TP Hải Phòng có thể chia làm hai giai đoạn:

Giai đoạn 1: Từ 06/6/2006 đến tháng 12/2014 là giai đoạn thực hiện công tác KTSTQ theo Quy định của Luật Hải quan năm 2005 và Luật sửa đổi bổ sung Luật Hải quan năm 2011.

Tháng 8 năm 2006 đồng chí Phạm Thế Luân được Cục trưởng Cục Hải quan TP Hải Phòng bổ nhiệm giữ chức Chi cục trưởng đầu tiên của Chi cục KTSTQ. Lúc bấy giờ Chi cục có 35 công chức trong đó có 10 công chức đang công tác tại Phòng kiểm tra sau thông quan còn lại được điều động từ các Chi cục Hải quan cửa khẩu và các công chức mới được tuyển dụng vào ngành. Tuy trình độ có mặt còn hạn chế và còn nhiều bỡ ngỡ khi tiếp cận với nghiệp vụ mới song đã đoàn kết một lòng xây dựng Chi cục KTSTQ. Các tổ chức trong Chi cục: Chi bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, các Đội công tác... từng bước được hình thành và tổ chức hoạt động. Không thể kể hết những khó khăn ban đầu, trụ sở làm việc chật hẹp, phân tán, trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn thiếu. Khó khăn là vậy, nhưng lãnh đạo và công chức thừa hành luôn gắn bó, chia sẻ và gần gũi động viên nhau để cố gắng vượt qua.

Trong giai đoạn này, Chi cục KTSTQ đã thực hiện nhiều chuyên đề lớn, điển hình trong toàn ngành, phát hiện nhiều thủ đoạn gian lận mới kịp thời truy thu thuế cho ngân sách nhà nước. Thông qua hoạt động kiểm tra sau thông quan, Chi cục đã phát hiện nhiều nội dung bất cập về chính sách để kiến nghị sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật. Nhiều kiến nghị của Chi cục Kiểm tra sau thông quan đã được lãnh đạo cấp bộ đồng ý và đưa vào Thông tư hướng dẫn kiểm tra sau thông quan, quy trình kiểm tra sau thông quan, được cụ thể hóa vào Luật Hải quan năm 2014.

Tháng 7 năm 2014 Chi cục Kiểm tra sau thông quan được chuyển về tòa nhà Cục Hải quan TP Hải Phòng, một trụ sở làm việc khang trang, bề thế, hiện đại tương đối đầy đủ cơ sở vật chất.

Giai đoạn 2: Từ tháng 1/2015 đến nay:

Năm 2015 là năm có những thay đổi về chính sách tác động lớn đến hoạt động kiểm tra sau thông quan:

- Luật Hải quan số 54/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015. Những thay đổi về của Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn đã tác động sâu rộng đến toàn bộ hoạt động kiểm tra sau thông quan cả về cơ cấu tổ chức đến các hoạt động nghiệp vụ KTSTQ.

- Chi bộ Kiểm tra sau thông quan được Đảng bộ Cục Hải quan Hải Phòng quyết định nâng cấp thành Đảng bộ Chi cục Kiểm tra sau thông quan theo Quyết định số 746-QĐ/ĐUHQ ngày 28/1/2015 bao gồm 4 Chi bộ trực thuộc.

Ngay từ khi Luật Hải quan chưa có hiệu lực Chi cục Kiểm tra sau thông quan đã chủ động nghiên cứu triển khai Luật Hải quan về kiểm tra sau thông quan. Trên cơ sở đó Chi cục KTSTQ đã tham mưu cho Cục ban hành văn bản số 2470/HQHP-KTSTQ ngày 07/4/2015 chỉ đạo các Chi cục trực thuộc triển khai công tác kiểm tra sau thông quan theo mô hình Chi cục Kiểm tra sau thông quan thực hiện kiểm tra sau thông quan theo thẩm quyền của Cục trưởng; Bộ phận kiểm tra sau thông quan nằm trong Đội Quản lý thuế tại các Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng biển khu vực: I, II, III, Đình Vũ và nằm trong Đội Tổng hợp tại các Chi cục ngoài cửa khẩu thực hiện kiểm tra sau thông quan theo thẩm quyền của Chi cục trưởng. Việc triển khai

mô hình KTSTQ tại các Chi cục trực thuộc Cục Hải quan TP Hải Phòng được Tổng cục Hải quan đánh giá cao và được triển khai áp dụng trong toàn ngành.

Do chủ động, quyết liệt trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện nên công tác KTSTQ tại Cục Hải quan TP Hải Phòng tạo được nhiều đột phá. Kết quả đạt được khá toàn diện trên tất cả các mặt công tác. Cụ thể:

- Đến hết ngày 31/12/2017, Cục Hải quan TP Hải Phòng đã thực hiện 3.076 cuộc kiểm tra sau thông quan trong đó Chi cục Kiểm tra sau thông quan đã thực hiện 1.718 cuộc, các Chi cục Hải quan thực hiện 1.358 cuộc. Số thu từ hoạt động kiểm tra sau thông quan là 325,1 tỷ đồng vượt 25,1 tỷ đồng so với chỉ tiêu phân đầu 300 tỷ đồng Tổng cục Hải quan giao cao nhất từ trước đến nay. Số cuộc kiểm tra tại trụ sở người khai Hải quan là 187 cuộc bằng 267% so với cùng kỳ năm 2016, đạt 118% (vượt 26 cuộc) so với kế hoạch được Tổng cục Hải quan giao.

- Một số chuyên đề lớn đã triển khai thành công trong điều kiện phải chịu nhiều áp lực từ phía Doanh nghiệp, công luận...như:

+ Chuyên đề kiểm tra sau thông quan về mã số đối với mặt hàng phôi thép đến nay đã thu thu nộp ngân sách được 62 tỷ đồng.

+ Chuyên đề kiểm tra C/O mặt hàng xăng dầu đã thu nộp ngân sách 92 tỷ đồng.

+ Chuyên đề xuất xứ mặt hàng gỗ nhập khẩu từ Ginea xích đạo thu thuế gần 70 tỷ đồng cho ngân sách.

+ Chuyên đề về khai báo mã nguy trang: Đã thu nộp ngân sách trên 10 tỷ đồng, đồng thời hướng dẫn các Chi cục rà soát truy thu những lô hàng tương tự.

2.2.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chi cục KTSTQ

Chi cục Kiểm tra sau thông quan thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Hải quan, các quy định khác của Pháp luật có liên quan và những nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể như sau:

- ✚ Trình Cục trưởng chương trình, kế hoạch hàng năm về công tác kiểm tra sau thông quan của Cục Hải quan TP Hải Phòng.

- ✚ Giúp Cục trưởng trong việc quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ phức tạp hồ sơ hải quan và KTSTQ trong phạm vi quản lý của Cục Hải quan TP Hải Phòng.
- ✚ Thu thập, tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin trong và ngoài ngành để phục vụ công tác kiểm tra sau thông quan.
- ✚ Tham mưu cho Cục trưởng trong việc ra quyết định kiểm tra sau thông quan.
- ✚ Trực tiếp thực hiện kiểm tra sau thông quan theo quy định của pháp luật.
- ✚ Xử lý vi phạm hành chính và giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; tham mưu cho Cục trưởng trong việc xử lý vi phạm hành chính, giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vi phạm hành chính (phát hiện trong quá trình kiểm tra sau thông quan) thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục trưởng.
- ✚ Thực hiện việc ấn định, truy thu, truy hoàn tiền thuế và các khoản thu khác theo kết luận kiểm tra sau thông quan và quy định của pháp luật.
- ✚ Trực tiếp làm việc với các tổ chức, cá nhân, tiến hành các biện pháp nghiệp vụ để xác minh, nắm tình hình, thu thập thông tin, tiếp nhận tin báo, tố giác phục vụ cho hoạt động kiểm tra sau thông quan.
- ✚ Báo cáo Cục trưởng sơ kết, tổng kết, thống kê, báo cáo đánh giá tình hình và kết quả thực hiện công tác phức tạp hồ sơ hải quan, công tác kiểm tra sau thông quan của Cục Hải quan TP Hải Phòng.
- ✚ Thông qua công tác kiểm tra sau thông quan, giúp Cục trưởng phát hiện, kiến nghị sửa đổi, bổ sung những thiếu sót, bất cập trong quy định và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, quy trình, quy định nghiệp vụ của ngành, của Cục Hải quan.
- ✚ Tuyên truyền pháp luật về kiểm tra sau thông quan.
- ✚ Thực hiện lưu trữ, bảo mật hồ sơ, tài liệu KTSTQ theo quy định.
- ✚ Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức và quản lý tài chính, tài sản, các trang thiết bị của Chi cục Kiểm tra sau thông quan theo phân cấp của Tổng cục Hải quan và Cục Hải quan TP Hải Phòng.
- ✚ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Cục trưởng giao.

(Theo chức năng nhiệm vụ Chi cục Kiểm tra sau thông quan năm 2017)

2.2.3. Cơ cấu tổ chức của Chi cục KTSTQ

Hiện nay số lượng cán bộ công chức của Chi cục Kiểm tra sau thông quan với hơn 80 người với 01 Chi cục trưởng, 03 Phó Chi cục trưởng, 05 Đội trưởng, 06 Phó đội trưởng phụ trách các đội nghiệp vụ như sau:

Đội KTSTQ số 1: Kiểm tra STQ về trị giá tính thuế;

Đội KTSTQ số 2: Kiểm tra STQ về mã số, thuế suất;

Đội KTSTQ số 3: Kiểm tra STQ hàng gia công, sản xuất xuất khẩu;

Đội KTSTQ số 4: Đội kiểm tra về Chính sách thương mại.

Đội 5: Đội tham mưu tổng hợp;

2.3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KTSTQ VỀ GIÁ TRỊ HÀNG NHẬP KHẨU LOẠI HÌNH A11 TẠI CỤC HẢI QUAN HẢI PHÒNG

2.3.1. Giai đoạn từ 06/6/2006 đến tháng 12/2014

Công tác KTSTQ về trị giá hải quan là lĩnh vực khó và ngày càng khó hơn. Rõ ràng với xu thế toàn cầu hoá, thương mại quốc tế ngày càng phát triển như hiện nay, các ràng buộc rào cản về quản lý ảnh hưởng hoạt động thương mại được dần dần dỡ bỏ. Chính điều này một mặt nào đó đã kích thích các hoạt động gian lận thương mại phát triển. Cùng chung với đó gian lận thương mại về trị giá tính thuế qua hoạt động xuất nhập khẩu của người khai hải quan cũng theo đó ngày càng tinh vi khó kiểm soát. Ngành Hải quan cũng đã nhận thức rõ điều này và từ đó đặt ra yêu cầu đòi hỏi cơ quan hải quan phải thay đổi gì để thích ứng với công tác quản lý "vừa tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong hoạt động XNK vừa đảm bảo kiểm tra, kiểm soát có hiệu quả". Như vậy, cho thấy sự cần thiết của ngành trong việc tăng cường nhiệm vụ cho công tác quản lý rủi ro và kiểm tra sau thông quan để phòng ngừa và ngăn chặn các hoạt động gian lận thương mại. Theo đó hoạt động KTSTQ cũng thay đổi và nâng tầm để đáp ứng được với yêu cầu ngày càng cao của ngành với mục tiêu giúp doanh nghiệp tuân thủ đúng pháp luật, trả lại môi trường kinh doanh công bằng, làm lành mạnh hoá trong hoạt động thương mại.

Hàng năm số lượng doanh nghiệp làm thủ tục XNK qua các chi cục Hải quan trực thuộc Cục Hải quan TP Hải Phòng ngày càng tăng mạnh, có thể thấy chủ yếu các mặt hàng tiêu dùng.

Năm 2014, điểm nổi bật của Công tác KTSTQ về trị giá đó là thực hiện quy định tại Khoản 7, Điều 1, Thông tư 29/2014/TT-BTC. Thời điểm này việc kiểm tra sâu đối với lĩnh vực trị giá chỉ tập trung tại một đầu mối là Đội 1-Chi cục KTSTQ (trung bình khoảng 300 phiếu chuyển nghiệp vụ từ các Chi cục HQ cửa khẩu chuyển về). Do vậy, hàng ngày CBCC phải giải quyết một khối lượng công việc rất lớn để phân tích, xử lý thông tin, thậm chí làm thêm cả ngày nghỉ. Hơn nữa, số CBCC được tăng cường từ Phòng Thuế XNK (bộ phận tham vấn giá - khâu trong thông quan) chưa quen với công tác KTSTQ ảnh hưởng không nhỏ đến tốc độ xử lý các thông tin từ các đơn vị liên quan gửi đến.

Để giải quyết công việc Lãnh đạo đơn vị cũng đã đề ra một số giải pháp tập trung trọng điểm vào 3 nhóm công việc để xử lý như sau:

Một là, phân loại và thu thập, xử lý thông tin từ các Phiếu chuyển nghiệp vụ do các đơn vị trực thuộc Cục gửi đến (áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro: cho rà soát phân loại lần 1 sau đó giao cho CBCC thừa hành tiếp tục kiểm tra, phân loại lựa chọn những hồ sơ có mặt hàng trọng điểm về trị giá để tiến hành KTSTQ).

Hai là, thu thập thông tin từ các chênh lệch về giá khác từ các hệ thống thông tin của Ngành giao cho từng nhóm CBCC phụ trách theo địa bàn để quản lý;

Ba là, thu thập và xử lý thông tin từ nguồn thông tin rà soát các lô hàng được hệ thống phân luồng xanh.

Với phương án xử lý tập trung cao vào các mặt hàng trọng điểm về trị giá (có số thu thuế lớn, nằm trong danh mục QLRR về giá của Tổng cục) kiểm tra theo chuyên đề định sẵn, phát huy năng lực sở trường của một số CBCC có kinh nghiệm kiểm tra theo mặt hàng để làm trưởng nhóm; thực hiện công tác đào tạo tại chỗ, hỗ trợ lẫn nhau để làm việc. Với khối lượng công việc đồ sộ như vậy, trong năm 2014 Chi cục đã thực hiện KTSTQ trong lĩnh vực trị giá được:

Kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan: 01 trường hợp, kết quả kiểm tra đã ấn định được 4,2 tỷ đồng tiền thuế và xử phạt vi phạm hành chính hơn 600 triệu đồng.

Kiểm tra tại trụ sở cơ quan hải quan: 1.036 trường hợp, đã tiến hành bác bỏ trị giá hải quan của 560 trường hợp với tổng số tiền thuế ấn định là 97,0 tỷ đồng. Doanh nghiệp đã nộp hết số thuế ấn định trên vào Ngân sách Nhà nước.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy đơn vị có áp dụng quản lý rủi ro nhưng chưa triệt để trong việc giải quyết những phát sinh theo nghi vấn về giá của các Phiếu chuyển nghiệp vụ do các Chi cục Hải quan chuyển về. Ngoài những vấn đề vướng mắc phát sinh về nội dung nghi vấn chưa được trao đổi kịp thời với CBCC ở khâu thông quan do địa bàn cách xa nhau. Cùng thời gian này, ngành Hải quan đang triển khai đồng bộ dự án Vnaccs/Vcis và thực hiện nâng cấp hệ thống quản lý giá tính thuế GTT02 và hệ thống thông tin quản lý Doanh nghiệp phục vụ KTSTQ và quản lý rủi ro (STQ01). Trong thời kỳ đầu triển khai khi chưa được hướng dẫn, CBCC của Chi cục hoàn toàn tự tìm tòi khai thác để kết xuất dữ liệu phục vụ công tác thu thập thông tin. Mặt khác, việc khai thác dữ liệu trên chương trình VNACS/VCIS rất chậm. Thường trong giờ hành chính rất khó khai thác thông tin, việc này ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ hoàn thành các cuộc KTSTQ.

2.3.2. Giai đoạn từ 01/01/2015 đến hết tháng 6/2018

2.3.2.1. Những thuận lợi, khó khăn và thách thức

Những thuận lợi:

Với xu hướng chuyển dần công tác kiểm tra giám sát của cơ quan hải quan từ khâu kiểm tra trước và trong thông quan (tiền kiểm) sang kiểm tra sau thông quan (hậu kiểm) được thực hiện ngay bước đầu tại cửa khẩu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp có thể nhanh chóng đưa hàng hóa về kho phục vụ sản xuất và lưu thông, giảm thời gian chờ đợi thông quan, giảm chi phí lưu kho, lưu bãi cho doanh nghiệp, doanh nghiệp cung cấp và giải trình sau khi hàng hoá đã được thông quan.

Các nội dung nghi vấn về giá tập trung nhiều vào chủng loại, tính chất, điều kiện...của hàng hoá mà dữ liệu khai báo không thể mô tả hết được, mục tiêu xác định loại hàng hoá "giống hệt hay tương tự..." để so sánh. Việc triển khai công tác KTSTQ tại Chi cục Hải quan đã giải quyết được những vấn đề nghi vấn tốt hơn, do biết rõ đối tượng cần kiểm tra, có thời gian thu thập, phân tích thông tin, từ đó có phương án tập trung kiểm tra trọng điểm.

Hoạt động KTSTQ được phân bổ tại các đơn vị trực thuộc, không chỉ tập trung một đầu mối là Chi cục KTSTQ như trước kia. Do đó đã tận dụng tối đa nguồn nhân lực, giải quyết cơ bản và triệt để những nghi vấn tại các Chi cục Hải

quan cửa khẩu. Những mâu thuẫn lớn, những trường hợp phát sinh phức tạp sẽ được báo cáo và xem xét xử lý tại khâu KTSTQ cấp Cục (chi cục KTSTQ) giúp cho việc định hướng công tác KTSTQ tại các cấp được cụ thể, rõ ràng hơn.

Những khó khăn, thách thức:

Đầu tiên phải kể đến khó khăn lớn nhất đó là năng lực, trình độ CBCC. Trình độ CBCC nhìn chung không đồng đều, 03 kỹ năng trong hoạt động KTSTQ đó là: kỹ năng lập biên bản, hỏi đáp đối thoại với doanh nghiệp; Kỹ năng kiểm tra hệ thống kế toán, kiểm toán; Kỹ năng thu thập chứng cứ, phân tích dữ liệu thông tin còn hạn chế. Bên cạnh đó các yếu tố cơ sở pháp lý, các chế tài để xử lý hành vi vi phạm chưa theo kịp những hành vi thủ đoạn gian lận ngày càng tinh vi của Doanh nghiệp. Đặc biệt với doanh nghiệp nước ngoài đã làm ăn lâu dài ở các nước đang phát triển trước khi đến Việt Nam, họ có kinh nghiệm cũng như có hệ thống tư vấn pháp lý hùng hậu hoạt động lâu năm trong lĩnh vực đầu tư tại nước ngoài. Ngoài ra kinh nghiệm trong công tác KTSTQ cũng rất quan trọng, tuy nhiên với quy định hiện nay của ngành thì đối với CBCC thừa hành chỉ có thời gian tối đa là 3 năm tại một nơi, hết thời hạn phải luân chuyển công tác ở đơn vị khác, như vậy cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động KTSTQ chuyên sâu.

Tại các Chi cục Hải quan do mới triển khai công tác KTSTQ, việc bố trí CBCC làm công việc này thực sự chưa có kinh nghiệm, chưa được đào tạo, chưa quen với công việc mới do đó đã có tâm lý căng cứng, lo lắng, nên rất lúng túng khi triển khai thực hiện, bên cạnh đó còn phải kiêm nhiệm công việc khác nên chưa chuyên tâm vào công tác KTSTQ.

Kế hoạch của Ngành năm 2018 giao cho các Chi cục Hải quan tỉnh, thành phố phấn đấu tăng gấp đôi so với số đạt được của năm 2017 về số vụ kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan. Địa bàn quản lý của Cục trải rộng gồm 4 tỉnh, Thành phố Hải Phòng, Tỉnh Hải Dương, Tỉnh Hưng Yên, Tỉnh Thái Bình. Do đó, số đoàn kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan sẽ tăng kéo theo chi phí cho các đoàn kiểm tra ngày càng tăng nhưng kinh phí được thanh toán theo chế độ (thường thiếu so với thực chi). Tuy nhiên, cho đến nay Ngành vẫn chưa có chính sách hỗ trợ thoả đáng cho CBCC làm công tác KTSTQ.

Nền tảng cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin còn thiếu tính ổn định, hệ thống ứng dụng phần mềm hỗ trợ phục vụ cho công tác KTSTQ chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được với yêu cầu công tác, trong quá trình thực hiện KTSTQ thì CBCC phải cập nhật nhiều hệ thống, đây cũng là yếu tố làm chậm tiến độ triển khai công việc.

2.3.2.2. Thực tiễn với triển khai công tác KTSTQ về lĩnh vực trị giá đối với loại hình A11 tại Cục Hải quan TP Hải Phòng

Bước khảo sát ban đầu tại các Chi cục Hải quan: Sau khi làm việc với các Chi cục hải quan cửa khẩu và ngoài cửa khẩu, Lãnh đạo Chi cục KTSTQ đã tham mưu cho Lãnh đạo Cục ban hành văn bản chỉ đạo mang tính định hướng cho các Chi cục Hải quan trực thuộc thực hiện tạm thời như sau:

Đối với lĩnh vực trị giá, tập trung KTSTQ đối với các lô hàng XNK thuộc luồng xanh có nghi vấn về giá trong thời hạn 60 ngày. Tổ chức KTSTQ về trị giá đối với các lô hàng có nghi vấn về trị giá tính thuế theo quy định tại điểm a, c Khoản 2, Điều 21 Nghị định 08/2015/NĐ-CP của Chính Phủ.

Mô hình tổ chức: Chi cục HQ cửa khẩu cảng Hải Phòng (Khu vực I,II,III và Hải quan Đình Vũ) bố trí nhóm từ 3 đến 5 công chức trực thuộc Đội quản lý thuế chuyên trách làm công tác KTSTQ; đối với các Chi cục hải quan ngoài cửa khẩu (HQ đầu tư gia công, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình, Khu CX-KCN) bố trí nhóm từ 2 đến 3 công chức trực thuộc Đội tổng hợp chuyên trách làm công tác KTSTQ.

Đối với công tác đào tạo nâng cao trình độ cho CBCC trong các lĩnh vực kiểm tra: trước hết cần rà soát lại toàn bộ CBCC trong đơn vị để xác định đối tượng cần đào tạo và đào tạo lại để bố trí lớp cho phù hợp. Để đảm bảo tính chuyên sâu, đồng thời nâng cao trình độ cho CBCC, Chi cục đã tổ chức công tác đào tạo lại về lĩnh vực: Kế toán, kiểm toán phục vụ cho công tác KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan thuộc 4 lĩnh vực (Trị giá HQ, mã số HS, gia công SXKK, chính sách thương mại). Xây dựng cẩm nang cho 4 lĩnh vực nêu trên đảm bảo cho CBCC của Chi cục KTSTQ có đủ kiến thức để tiến hành KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan.

Về lâu dài, Chi cục tiếp tục sử dụng các cán bộ lãnh đạo Đội, Chi cục và những đồng chí có trình độ và kinh nghiệm lâu năm để tham gia xây dựng giáo trình

giảng dạy. Thực hiện phương châm: vừa làm vừa rút kinh nghiệm để hoàn thiện hơn trong công tác tập huấn và xây dựng cẩm nang để CBCC mới dễ tiếp cận về công tác KTSTQ.

Trong nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo các chi cục hải quan triển khai công tác KTSTQ: Đối với các Chi cục HQ cửa khẩu cảng Hải Phòng (Khu vực I,II,III và HQ Đình Vũ) chủ yếu được yêu cầu hỗ trợ KTSTQ trong lĩnh vực trị giá tính thuế; các chi cục hải quan ngoài cửa khẩu (Hung Yên, Hải Dương, Thái Bình) chủ yếu được yêu cầu hỗ trợ KTSTQ trong lĩnh vực Gia công SXKK, các chi cục hải quan (Khu CX-KCN và LQ hàng ĐTGC) yêu cầu hỗ trợ cả hai lĩnh vực nêu trên. Để giúp các Chi cục hải quan thực hiện tốt công tác KTSTQ, chi cục KTSTQ đã thành lập Tổ hỗ trợ các Chi cục hướng dẫn về nghiệp vụ. Tổ đã phối hợp các Chi cục hải quan trực thuộc; giải đáp một số vướng mắc, hướng dẫn phân luồng hồ sơ, xử lý thông tin, hướng dẫn sử dụng các hệ thống phần mềm chức năng: STQ01, GTT02, VCIS, Vincum,.. Sau đợt công tác, chi cục KTSTQ đã tổng hợp những vướng mắc, tham mưu cho Lãnh đạo Cục hải quan TP Hải Phòng ban hành văn bản hướng dẫn, thống nhất cách áp dụng chung cho các Chi cục Hải quan.

Chi cục KTSTQ đã tham mưu cho Lãnh đạo Cục trong việc xây dựng việc luân chuyển theo dõi hồ sơ trong công tác quản lý, kiểm tra về trị giá tính thuế (mối quan hệ, phối hợp xử lý công việc giữa công tác tham vấn giá và KTSTQ về trị giá hải quan tại các đơn vị: KTSTQ, Phòng Thuế XNK và các Chi cục hải quan trực thuộc) với mục tiêu đảm bảo quản lý thống nhất về trị giá hải quan trong toàn Cục

Thực tế cho thấy cơ quan hải quan rất khó kiểm soát được giá trị thực thanh toán trong mua bán hàng hóa nói chung.

Việc khai báo trị giá tính thuế chủ yếu được các doanh nghiệp khai theo giá trước đó đã khai hoặc khai theo giá đã được các Chi cục hải quan khác chấp nhận và có xu hướng khai thấp dần. Tuy nhiên, các thông tin trên các chương trình dữ liệu giá của Ngành (GTT02,..), thông tin từ Danh mục hàng hóa nhập khẩu rủi ro về trị giá và mức giá tham chiếu kèm theo,.. đều đã được khâu thông quan sử dụng nhiều, do đó, doanh nghiệp cũng phần nào nắm bắt được thông tin này. Lực lượng KTSTQ

sử dụng lại để so sánh, tham khảo làm cơ sở nghi vấn, đấu tranh với doanh nghiệp sẽ rất khó khăn, thiếu cơ sở để bác bỏ trị giá khai báo của doanh nghiệp.

Trước đây, trong quá trình xây dựng Danh mục quản lý rủi ro về giá cấp Cục, Cục đã cử công chức trực tiếp khảo sát giá tại trụ sở doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo thông tin nắm được thì các doanh nghiệp nhập khẩu cùng một chủng loại mặt hàng thì đã liên kết với nhau, vì thế khi làm việc với cơ quan hải quan thì các doanh nghiệp đều có chung một ý kiến, họ không chịu ký biên bản khảo sát thông tin hoặc nếu có ký thì ký bản khảo sát với mức giá chênh lệch so với giá khai báo 10%, chứ không cung cấp giá bán thực tế của mặt hàng trên thị trường.

Một số khó khăn trong thu thập thông tin nữa, đó là giá bán thực tế trên thị trường lại rất cao, có khi cao hơn nhiều lần so với giá doanh nghiệp khai báo. Giá bán không ổn định và nó phụ thuộc vào nhu cầu, thị hiếu của người mua. Ví dụ: Mặt hàng tổ máy phát điện mức giá Công ty khai báo là 12.417 USD/chiếc (khoảng hơn 277 triệu), trong khi giá bán tại thị trường là 610 triệu. Do đó giá bán thực tế của mặt hàng Tổ máy phát điện trên thị trường là khó có thể kiểm soát được.

Khi tra cứu thông tin về giá mặt hàng trên các chương trình dữ liệu giá của Ngành (GTT02) cho thấy các cửa khẩu trên toàn quốc cơ bản đều có giá tương tự nhau, hải quan cửa khẩu hầu như chấp nhận chứ không đủ cơ sở bác bỏ được trị giá khai báo của doanh nghiệp.

Mặt hàng nhập khẩu loại hình A11 chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc. Qua nắm bắt thông tin, các đối tác nước ngoài ở thị trường Trung Quốc ký và ban hành các chứng từ thương mại khá thoải mái, không kiểm soát chặt chẽ như ở Việt Nam. Do đó, khi người nhập khẩu Việt Nam đề nghị, các đối tác trên sẵn sàng cung cấp các chứng từ thương mại theo yêu cầu. Đây là lý do chính giải thích cho việc các chứng từ đi kèm bộ hồ sơ hải quan thường có nội dung khớp đúng, thống nhất với nhau, rất khó để phát hiện ra mâu thuẫn hay bất hợp lý trong quá trình KTSTQ. Mặt khác, các đối tác mua bán của các doanh nghiệp đều ở nước ngoài, nên việc thu thập nguồn thông tin từ nước ngoài là vấn đề chưa thực hiện được đối với các đơn vị KTSTQ thuộc Tổng cục Hải quan nói chung và Chi cục KTSTQ thuộc Cục HQ Hải Phòng nói riêng.

Đây là quan hệ mua bán, trao đổi ngang giá, vì vậy trên thực tế thì tổng giá trị hàng hóa phải tương đương với lượng tiền trong thanh toán. Tuy nhiên, do có sự liên kết, phối hợp giữa bên bán với người nhập khẩu nên bộ hồ sơ chính thức sẽ không phản ánh hết giá trị thực của hàng hóa nhập khẩu; và đương nhiên sẽ xuất hiện việc thanh toán không ngoài hợp đồng. Đây là vấn đề hết sức phức tạp và diễn ra dưới rất nhiều hình thức khác nhau, phụ thuộc vào trình độ, kinh nghiệm của người nhập khẩu; mỗi quan hệ giữa người nhập khẩu với bên bán để họ có thể áp dụng một số hình thức thanh toán ngoài quy định. Điều này, buộc người nhập khẩu sẽ phải thanh toán cho bên bán theo 02 con đường: một là thanh toán chính thức theo hợp đồng, phần chênh lệch sẽ phải thanh toán theo đường không chính thức khác. Cụ thể:

- Để hợp thức hóa chứng từ và hồ sơ, doanh nghiệp thực hiện thanh toán qua hệ thống ngân hàng đúng phần trị giá mà doanh nghiệp khai báo. Phần chênh lệch còn lại, doanh nghiệp thanh toán bằng hình thức chuyển tiền qua biên giới, doanh nghiệp có thể thuê cá nhân trong nước mang tiền mặt đến thanh toán cho đối tác ngay tại biên giới và trả cho họ một khoản hoa hồng tính trên trị giá lần giao dịch đó.

- Thanh toán qua các hợp đồng mua bán không: Thực chất đây là hình thức hợp lý hóa chứng từ kế toán thông qua việc mua bán các loại hàng hóa, dịch vụ khác mà thực tế không xảy ra hoặc đẩy giá lên cao để chiết lại phần chênh lệch cho người nhập khẩu. Hình thức này thường được sử dụng thông qua các mối quan hệ quen biết, có sự thoả thuận của người cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Mục đích của quan hệ kinh tế này là nhằm giúp người nhập khẩu rút ra ngoài sổ sách kế toán một khoản tiền để chi trả cho bên bán ở nước ngoài.

- Thanh toán qua các đại lý, đại diện bên nước ngoài: Hiện nay, nhiều người nhập khẩu đã phát triển mạng lưới các đại lý, đại diện ra nước ngoài cũng như nhiều nhà cung cấp nước ngoài mở các đại lý, đại diện tại Việt Nam với mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho các giao dịch cũng như tìm hiểu thị trường của nhau. Với nhưng người nhập khẩu có các đại lý, đại diện tại nước ngoài thì việc thanh toán hàng

nhập khẩu có thể do các đại lý thực hiện. Vì vậy, việc kiểm soát việc thanh toán của người nhập khẩu qua hệ thống ngân hàng sẽ không phát huy được tác dụng.

Việc nhà nước cho phép thanh toán qua tài khoản vãng lai đã gián tiếp giúp doanh nghiệp hợp thức hóa việc thanh toán của mình. Trong quá trình mua, bán và thanh toán, tiền của các doanh nghiệp (đặc biệt là loại hình trách nhiệm hữu hạn một thành viên) cũng chính là tiền của cá nhân Giám đốc, bằng cách này hay cách khác, họ vẫn có thể đưa tiền mặt, ngoại tệ sang thanh toán trực tiếp cho bên bán ở nước ngoài toàn bộ trị giá thật của hàng hóa nhập khẩu mà chúng ta không thể kiểm soát hết được; rồi quay về Việt Nam thực hiện thao tác chuyển tiền vào tài khoản vãng lai và rồi lại rút tiền đó ra (có thể bằng giấy ủy quyền của đối tác nước ngoài). Như vậy, số tiền đó lại quay ngược vào túi của chính doanh nghiệp.

2.3.3. Một số vụ việc Kiểm tra sau thông quan điển hình

a) Kiểm tra doanh nghiệp nhập khẩu ô tô

Tổng cục Hải quan cung cấp thông tin về việc xác minh giá nhập khẩu của 04 doanh nghiệp nhập khẩu xe ô tô gồm: Công ty TNHH MTV TM Du lịch An Giang, Công ty CP Lê Gia, Công ty CP thương mại An Thành, Công ty TNHH ô tô Thái Bình; Các doanh nghiệp này có dấu hiệu gian lận về trị giá tính thuế mặt hàng xe ô tô nhập khẩu. Cụ thể: Danh sách các tờ khai nhập khẩu có giá khai báo hải quan thấp hơn rất nhiều so với giá xuất khẩu mà Tổng cục Hải quan đã xác minh. Ví dụ: Mặt hàng xe ô tô hiệu Toyota Camry SE 3.5 L, 5 chỗ ngồi, mới 100% giá xuất khẩu 43,000usd, nhưng doanh nghiệp khai báo 31,500usd. Tổng cục Hải quan yêu cầu thực hiện một số nội dung, trong đó: xác định trị giá tính thuế đối với các tờ khai nhập khẩu theo đúng quy định trên cơ sở mức giá xuất khẩu của Tổng cục Hải quan đã xác minh. Mặc dù nguồn thông tin Tổng cục Hải quan cung cấp là rất tốt, tuy nhiên theo điều 6 Nghị định số 40/2007/ND-CP thì thông tin nêu trên cũng chỉ được xem là cơ sở dữ liệu giá và cơ quan hải quan không được sử dụng để xác định trị giá hải quan đối với hàng nhập khẩu với vai trò là trị giá thay thế cho hàng nhập khẩu.

Theo Điều 27 Thông tư số 205/2010/TT-BTC thì: "*các trường hợp có nghi vấn về hồ sơ, chứng từ hoặc mức giá khai báo do lực lượng phức tạp chuyên; do lực lượng kiểm tra tại khâu thông quan chuyên; do lực lượng KTSTQ phát hiện hoặc do*

đánh giá mức độ rủi ro theo mặt hàng, ngành hàng, theo doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thì tổ chức KTSTQ tại cơ quan hải quan hoặc trụ sở của Doanh nghiệp”.

Do đó chi cục không thể căn cứ vào đó để kết luận và ra quyết định ấn định thuế như yêu cầu của Tổng cục Hải quan mà thông tin này chỉ mới ở dạng nghi vấn, muốn ra kết luận, ban hành quyết định ấn định thuế thì phải thực hiện KTSTQ. Cho nên để có cơ sở kết luận và ấn định thuế, Chi cục đã tiến hành KTSTQ theo quy định. Kết quả kiểm tra như sau:

- Đối với Công ty CP Lê Gia: Qua kiểm tra, doanh nghiệp không còn tồn tại, MST của Công ty này được cấp cho Công ty TNHH Thu Khuê theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Sở Kế hoạch đầu tư.

- Đối với Công ty CP thương mại An Thành: Cơ quan thuế địa phương thông báo doanh nghiệp đã ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Căn cứ Điều 142, 143 Thông tư số 194/2010/TT-BTC thì hai Công ty trên không thuộc đối tượng chịu KTSTQ, do vậy Chi cục không thể thực hiện kiểm tra hai công ty này.

- Đối với Công ty TNHH ô tô Thái Bình: Chi cục đã gửi văn bản đề nghị Doanh nghiệp giải trình nhưng doanh nghiệp không hợp tác với nhiều lý do như thời gian đã lâu, thất lạc hồ sơ, chưa tìm ra hồ sơ,... Đến lần yêu cầu thứ 5, doanh nghiệp mới cung cấp đủ hồ sơ, chứng từ. Qua kiểm tra hồ sơ chứng từ nhận thấy: Hồ sơ, sổ sách, chứng từ kế toán và thanh toán ngân hàng phù hợp với khai báo hải quan. Do đó, không đủ cơ sở để kết luận doanh nghiệp sai phạm để ấn định thuế.

- Đối với Công ty TNHH MTV TM Du lịch An Giang: Kiểm tra hồ sơ sổ sách chứng từ kế toán và thanh toán ngân hàng phù hợp với khai báo hải quan. Do vậy, cũng không đủ cơ sở kết luận doanh nghiệp sai phạm để ấn định thuế.

Như vậy, với nguồn thông tin rất cụ thể do Tổng cục Hải quan cung cấp, nhưng với các trường hợp: Doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động, doanh nghiệp chây ì, không hợp tác, doanh nghiệp hợp thức hoá chứng từ thanh toán, sổ sách kế toán,... thì kết quả KTSTQ sẽ không đạt mục đích, yêu cầu đề ra. Với những trường hợp này chỉ có chuyển cho cơ quan điều tra để điều tra khởi tố vụ án thì mới đạt kết

quả nhưng trong thực tế những vụ như thế này không phải vụ nào cơ quan điều tra cũng vào cuộc.

b) Công ty TNHH KĐV Tường Tuấn

Qua nguồn thông tin có được từ Tổng cục Hải quan và tổng hợp số liệu qua hoạt động XNK thực tế của Công ty tại địa bàn Hải Phòng, Đội 1 - chi cục KTSTQ Cục Hải quan TP Hải Phòng đã tiến hành KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan đối với Công ty Tường Tuấn. Công ty chuyên nhập khẩu các dòng xe sang như: Rangrover Autobiography, mercedes benz, audi, lexus,... xuất xứ Anh, Mỹ, Nhật. Cơ sở nghi vấn ban đầu: Công ty đang nộp thừa số tiền 69.560 USD cho đối tác. Doanh nghiệp không đủ cơ sở giải trình số tiền này do đó Chi cục KTSTQ đã tiến hành xác định lại trị giá tính thuế của các lô hàng có liên quan, số tiền thuế truy thu được là gần 5 tỷ đồng.

c) Vụ Công ty TNHH LAMA

Đây là doanh nghiệp chuyên nhập khẩu ô tô và phân phối độc quyền tại Việt Nam. Qua KTSTQ theo kế hoạch năm 2017, phát hiện: Ngoài khoản thanh toán theo giá mua ghi trên hoá đơn (giá khai báo hải quan), doanh nghiệp còn thanh toán cho người bán (không khai báo) khoản “phí hàng tháng” là 25.000 USD và khoản “phí hàng quý” bằng 3% trị giá xe nhập khẩu; tổng số tiền doanh nghiệp thanh toán cho người bán từ năm 2015 đến 2017 là hơn 2,14 triệu usd.

Doanh nghiệp giải trình: Khoản thanh toán cho người bán nêu trên không liên quan đến hàng hoá nhập khẩu, đây là khoản tiền trả cho các dịch vụ tư vấn, huấn luyện, đào tạo và quản lý do người bán cung cấp theo các hợp đồng tư vấn-dịch vụ mà doanh nghiệp đã ký kết với người bán, doanh nghiệp đã khai báo và nộp thuế nhà thầu cho các khoản thanh toán này.

Chi cục đã yêu cầu doanh nghiệp chứng minh các hoạt động tư vấn, huấn luyện, đào tạo và quản lý thực tế đã phát sinh nhưng doanh nghiệp không chứng minh được. Mặt khác qua xác minh tại ngân hàng thì các khoản thanh toán này được thực hiện thông qua một hợp đồng tư vấn - dịch vụ khác, có nội dung liên quan trực tiếp đến hàng hoá nhập khẩu.

Ngoài ra, Chi cục còn chứng minh được các hoạt động tư vấn, huấn luyện, đào tạo và quản lý nêu trên là do các nhà cung cấp tại Việt Nam cung cấp và doanh nghiệp đã thanh toán cho các nhà cung cấp này thông qua các chứng từ thanh toán xác minh được tại ngân hàng.

Từ các cơ sở trên, Chi cục kết luận: các khoản thanh toán cho người bán nêu trên có liên quan đến hàng hoá nhập khẩu và phải được điều chỉnh cộng vào trị giá tính thuế.

Vụ việc tranh chấp đã được đưa ra Toà án hành chính, kết quả: Toà chấp nhận giải trình của Doanh nghiệp mà không xem xét đến các chứng cứ do Chi cục đưa ra. Qua đó cho thấy, doanh nghiệp đã lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của các cơ quan chức năng để chuyển một khoản tiền lớn ra nước ngoài thanh toán cho các dịch vụ liên quan đến hàng hoá nhập khẩu nhưng đã sử dụng các "Hợp đồng tư vấn-dịch vụ" có nội dung không liên quan đến hàng hoá nhập khẩu để hợp thức hoá, nhằm gian lận số tiền thuế rất lớn.

Như vậy, mục đích ban đầu không đạt được, tuy nhiên trong quá trình KTSTQ lại phát hiện ra những sai sót về mặt hồ sơ, từ đó kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh để Công ty có thể rút kinh nghiệm.

2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN TẠI CHI CỤC KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

2.4.1. Những thành công

2.4.1.1. Những thành công chung của Chi cục KTSTQ

Trong năm 2016, 2017 nhìn chung Chi cục Kiểm tra sau thông quan đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đặc biệt là công tác kiểm tra đánh giá tính tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, qua đó giúp doanh nghiệp thực hiện tốt pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế và các quy định liên quan. Bên cạnh đó qua kiểm tra đã làm tốt công tác chống thất thu thuế cho nhà nước.

Năm 2016 số thuế truy thu được từ công tác kiểm tra sau thông quan tăng 27,6 tỷ đạt 110% so với cùng kỳ năm trước. Số vụ được kiểm tra sau thông quan cũng tăng cao so với năm 2015 (1.718 vụ).

Năm 2017 số thuế thực thu Ngân sách qua công tác kiểm tra sau thông quan tăng đến gần 26 tỷ đồng so với số thực thu của cùng kỳ năm trước 2016. Số thu đạt xấp xỉ 110% so với chỉ tiêu kế hoạch được Cục Hải quan Hải Phòng giao qua đó đã góp phần rất lớn vào kết quả hoàn thành kế hoạch về số thực thu ngân sách qua công tác Kiểm tra sau thông quan trong toàn Cục do Tổng cục Hải quan giao.

2.4.1.2. Những thành công của hoạt động KTSTQ trong lĩnh vực trị giá hàng nhập khẩu loại hình A11

Được sự quan tâm và chỉ đạo xuyên suốt của Lãnh đạo Cục Hải quan TP Hải Phòng, Lãnh đạo Chi cục kiểm tra sau thông quan, quá trình thực hiện năm 2017 với số thu qua công tác kiểm tra sau thông quan trong lĩnh vực trị giá tính thuế đã đạt được hiệu quả đáng kể, tạo sự thống nhất cao mang tính toàn diện trong toàn các đơn vị thuộc Cục thay đổi trong công tác kiểm tra về trị giá đối với nhóm hàng trọng tâm, trọng điểm.

Tổng số thuế ấn định: năm 2017 là: 97.0 tỷđ

Giai đoạn từ 01/01/2017 - 30/9/2017:

- Số vụ kiểm tra: 738 vụ.

- Số vụ ấn định thuế 260 vụ (= 35% số vụ kiểm tra), với tổng số thuế ấn định: 40.3 tỷ đồng.

Giai đoạn từ 01/10/2017 - 31/12/2017:

- Số vụ kiểm tra: 370 vụ

- Số vụ ấn định: 170 vụ (= 46,0% số vụ kiểm tra), trong đó:

+ 138 vụ (có thời hạn kiểm tra 60 ngày)

+ 32 vụ (có thời hạn kiểm tra 05 năm).

- Tổng số thuế ấn định: 66.7 tỷ đồng

- Trong đó số thuế ấn định 60 ngày là 33 tỷ đồng.

Về kiểm tra sau thông quan trong 60 ngày:

- Tổng số tờ khai nhận trong danh mục và tham vấn: 752 tờ khai.

- Số tờ khai đã kiểm tra: 752 chiếm 100% so với tổng số tờ khai nhận trong danh mục.

Tổng số thuế ấn định từ 01/01/2018 đến hết tháng 9/2018 là: 93.0 tỷ đồng

- Số vụ kiểm tra: 659 vụ

- Số vụ ấn định: 445 vụ (= 67,52% số vụ kiểm tra), trong đó:

+ 348 vụ (có thời hạn kiểm tra 60 ngày)

+ 97 vụ (có thời hạn kiểm tra 05 năm).

- Tổng số thuế ấn định: 63.7 tỷ đồng

- Trong đó số thuế ấn định 60 ngày là 29.3 tỷ đồng.

2.4.2. Những hạn chế

a. Hạn chế chung của hoạt động Kiểm tra sau thông quan.

Trong thời gian vừa qua, hoạt động KTSTQ trên địa bàn Cục Hải quan TP Hải Phòng có nhiều bước chuyển vượt bậc, thay đổi đáng kể. Tuy nhiên vẫn còn nhiều mặt hạn chế cần phải được hoàn thiện:

Một là, Công tác KTSTQ chưa thống nhất, còn chông chéo cụ thể là việc một doanh nghiệp có nhiều đội công tác mời gọi kiểm tra nhiều lần trong năm gây bức xúc cho doanh nghiệp. Mỗi đội công tác triển khai các qui trình còn có sự khác nhau, xử lý kết luận kiểm tra thiếu chính xác. Hoạt động kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan còn bộc lộ nhiều yếu kém như việc kiểm tra tại từng đội công tác chỉ thiên về lĩnh vực đội phụ trách thiếu tính bao quát, toàn diện dẫn đến sót lọt vi phạm; Cách thức kiểm tra còn chưa sâu, chưa áp dụng đúng các nguyên tắc KTSTQ.

Hai là, Công tác nghiệp vụ còn thiếu tính chuyên nghiệp, các bước chuẩn bị kiểm tra, tổ chức thực hiện kiểm tra chưa được bài bản, số lượng cán bộ đáp ứng yêu cầu làm trưởng đoàn kiểm tra còn hạn chế, số cán bộ có trình độ kiểm tra về sổ sách kế toán, báo cáo tài chính tại doanh nghiệp còn thiếu và yếu. Sử dụng nguồn lực chưa hợp lý, trong khi nhân lực có hạn một số mảng công tác chưa áp dụng đúng nguyên tắc quản lý rủi ro trong KTSTQ dẫn đến việc kiểm tra tràn lan, thiếu trọng tâm, vấn đề, vụ việc rủi ro thấp thì dành nguồn nhân lực kiểm tra, vấn đề rủi ro cao, cấp thiết hơn thì lại không đủ nhân lực kiểm tra dẫn đến lãng phí.

Ba là, Hoạt động của công tác Kiểm tra sau thông quan còn kém hiệu quả thể hiện ở số lượng doanh nghiệp trên địa bàn Cục Hải quan TP Hải Phòng quản lý

được kiểm tra còn hạn chế, nhiều doanh nghiệp hoạt động trên 10 năm mà chưa thực hiện kiểm tra. Bên cạnh đó hoạt động KTSTQ chưa thực sự kết nối tốt với các khâu nghiệp vụ khác như trong thông quan, chưa có tác dụng hỗ trợ rõ ràng cho khâu trong thông quan như kịp thời phát hiện các kẽ hở trong công tác quản lý để kịp thời điều chỉnh, sửa chữa.

Bốn là, Hoạt động kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp còn hạn chế về số vụ kiểm tra, lượng doanh nghiệp trên địa bàn quản lý của Cục Hải quan Hải Phòng cần được kiểm tra còn nhiều; Chất lượng các cuộc kiểm tra cần được tăng cường về việc kiểm tra hệ thống sổ sách kế toán tại doanh nghiệp; Công tác tổ chức đoàn, phân công công việc, công tác đánh giá rút kinh nghiệm.

Năm là, Công tác lãnh đạo chỉ đạo của lãnh đạo Chi cục KTSTQ còn bị chia cách, chưa phát huy được trí tuệ tập thể. Công tác lãnh đạo chỉ đạo của lãnh đạo cấp đội tại một số đội công tác còn chưa sâu sát, thiếu bao quát công việc.

Sáu là, Công tác lưu trữ hồ sơ và nhập dữ liệu vào hệ thống để phục vụ công tác quản lý của Cục và của Ngành chưa được sự quan tâm đúng mức của các cấp lãnh đạo, do đó việc lưu trữ hồ sơ và nhập liệu hệ thống còn do công chức chủ động thực hiện. Chi cục cần có việc tự kiểm tra đánh giá lại đối với công tác này.

Thất bẩy, Một số công chức mới được điều động bổ sung nên chưa am hiểu nhiều về quy trình KTSTQ; Có công chức đã công tác tại đơn vị lâu năm sức ỳ lớn không phát huy được vai trò dẫn đến chất lượng và hiệu quả chưa cao.

Bên cạnh một số hạn chế chung nêu trên, hoạt động KTSTQ trong lĩnh vực trị giá hàng nhập khẩu loại hình A11 còn một số hạn chế:

Thứ nhất, việc phân tích đánh giá rủi ro chưa được thực hiện tốt, dẫn đến việc kiểm tra tràn lan thiếu hiệu quả, thiếu định hướng, việc phân công giải quyết các phiếu chuyển nghiệp vụ chưa khoa học dẫn đến chưa đáp ứng được tiến độ kiểm tra, lượng phiếu tồn còn lớn, phương pháp kiểm tra thực hiện như công tác tham vấn giá. Số vụ kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp thấp.

Thứ hai, chưa xây dựng được danh mục mặt hàng có độ rủi ro cao về trị giá để tập trung kiểm tra. Hoạt động KTSTQ chủ yếu tại trụ sở cơ quan hải quan do đó đứng trước yêu cầu nhiệm vụ năm 2016 là hết sức khó khăn do cán bộ công chức tại

đội phần đông đã quen với cách làm theo phương pháp tham vấn giá đối với hồ sơ đã thông quan trong vòng 60 ngày theo qui định của Thông tư 29/2014/TT-BTC trước đây (nay là Thông tư 38/2015/TT-BTC). Nếu thực hiện cả việc KTSTQ trong thời gian 5 năm và thực hiện chủ yếu tại trụ sở doanh nghiệp thì gặp rất nhiều lúng túng.

Thứ ba, công tác thống kê tập hợp báo cáo số liệu liên quan đến công tác chuyên môn nghiệp vụ để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành còn nhiều bất cập, số liệu không thống nhất, thiếu chính xác.

Thứ tư, công tác tham mưu trong lĩnh vực kiểm tra sau thông quan về trị giá trong toàn Cục còn hạn chế; Công tác đào tạo cho cán bộ công chức trong Đội để nâng cao nghiệp vụ kiểm tra còn chưa tốt dẫn đến hiệu quả của các cuộc kiểm tra chưa cao.

2.4.3. Những nguyên nhân

Một là, có sự thay đổi lớn, thương xuyên liên tục về chế độ chính sách mặt hàng của các Bộ, Ngành có liên quan trong việc quản lý hàng hóa nhập khẩu. Những thay đổi lớn về quy định kiểm tra trị giá tính thuế tại Thông tư số 29/2014/TT-BTC, Thông tư 38/2015/TT-BTC, trong đó giao nhiệm vụ cho lực lượng KTSTQ là có trách nhiệm chính trong việc kiểm tra trị giá hàng hóa nhập khẩu loại hình A11. Quy trình KTSTQ của ngành thay đổi thường xuyên để phù hợp với tình hình thay đổi chung. Luật Hải quan, quy trình thông quan tự động qua hệ thống VNACCS/VCIS,... hệ thống phần mềm khai thác cơ sở dữ liệu cũng liên tục thay đổi chưa được hoàn thiện cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu. Cán bộ làm công tác KTSTQ về trị giá tính thuế chưa kịp làm quen với những thay đổi của nghiệp vụ lại phải tiếp thu những cái mới, dẫn đến chất lượng công tác không cao.

Hai là, trang thiết bị nghiệp vụ, điều kiện làm việc của lực lượng KTSTQ nói chung còn rất thiếu, đặc biệt về phương tiện và kinh phí nghiệp vụ. Khó khăn trong thu thập thông tin từ doanh nghiệp và các cơ quan liên quan. Hoạt động xác minh thông tin từ một số đơn vị trong và ngoài ngành còn gặp nhiều khó khăn như việc

không hợp tác, cung cấp thông tin có liên quan đến việc KTSTQ như Ngân hàng, Hãng vận tải, Đơn vị giám định,...

Ba là, với quy mô kiểm tra lớn, đội ngũ CBCC thực hiện KTSTQ vừa thiếu vừa yếu. Việc bố trí, sắp xếp CBCC làm công tác KTSTQ, đặc biệt là KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu loại hình A11 chưa tương xứng với khối lượng công việc, nhiệm vụ thu thập phân tích thông tin, đối tượng nghi vấn cần theo dõi, tiến hành KTSTQ.

Một bộ phận CBCC thuộc lực lượng KTSTQ rất ngại việc KTSTQ đối với lĩnh vực trị giá, vì đây là lĩnh vực rất khó để xác định trị giá thực của hàng hoá. Một số CBCC còn ngại va chạm, có tâm lý làm việc cầm chừng, trông chờ vào việc luân chuyển cán bộ đến địa bàn, đơn vị có mức thu hút cao nghề nghiệp cao, do vậy không chú tâm thực hiện theo dõi KTSTQ.

Trình độ của CBCC mặc dù đã liên tục được đào tạo, cập nhật các kiến thức, kỹ năng về KTSTQ nhưng cơ bản vẫn chưa đồng đều. Khả năng nghiên cứu xử lý thông tin, tổng hợp thông tin, xác định đối tượng kiểm tra còn yếu vì có nhiều mặt hàng liên quan đến nhiều bộ ngành khác nhau. Kinh nghiệm của cán bộ còn hạn chế, chưa chuyên nghiệp nên gặp khó khăn trong giải quyết vấn đề thì không có ý kiến rõ ràng dẫn đến việc kiểm tra và xử lý kết quả kiểm tra bị gặp khó khăn trong chính nội bộ Đoàn kiểm tra/Nhóm kiểm tra. Đội ngũ CBCC làm việc ở khâu KTSTQ đa số còn trẻ, có kiến thức, trình độ, nhưng kinh nghiệm và nghiệp vụ chuyên môn chưa sâu vì đòi hỏi nhiều kiến thức tổng hợp để thực hiện việc KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu như: kiến thức kinh nghiệm về kế toán - kiểm toán, về buôn bán kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa với nước ngoài, về chế độ chính sách và quy định của pháp luật,... Trong khi đó, theo yêu cầu luân chuyển cán bộ thường xuyên của ngành thì một CBCC, kể cả ở khâu KTSTQ cũng không quá 5 năm làm việc ở một nơi, thông thường chỉ là 3 năm. Sự thay đổi cán bộ như vậy cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng KTSTQ ở Cục Hải quan TP Hải Phòng.

Bốn là, chế độ thưởng cho đội ngũ CBCC làm công tác KTSTQ còn chưa tương xứng với trách nhiệm, nhiệm vụ phải thực hiện (chẳng hạn, lực lượng Kiểm

toán được trích thưởng theo 2% số thu nộp NSNN, trong khi lực lượng KTSTQ đề xuất khoản trích thưởng 2% số thu nộp NSNN nhưng chưa được thông qua).

Kết luận chương 2

Tóm lại, chương 2 đã nêu được bối cảnh của công tác kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan giai đoạn 2013- 2017 và 09 tháng đầu năm 2018, đánh giá toàn diện thực trạng của KTSTQ về TGHQ tại Chi cục KTSTQ. Qua số liệu khảo sát, thống kê từ Chi cục xây dựng bức tranh toàn diện về KTSTQ trong lĩnh vực trị giá hải quan. Từ đó, rút ra được những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế để làm cơ sở đề xuất các giải pháp khắc phục khó khăn, tạo điều kiện để phát triển công tác KTSTQ về trị giá hải quan để đáp ứng yêu cầu quản lý theo phương pháp hiện đại.

KTSTQ về trị giá là một trong những lĩnh vực mới và gặp nhiều khó khăn trong hoạt động thực tiễn. Xuất phát từ yêu cầu của việc phát triển ngành Hải quan theo hướng hiện đại hóa thì việc xây dựng các giải pháp để khắc phục những khó khăn, nâng cao hiệu quả trong lĩnh vực KTSTQ về trị giá là việc làm cần thiết.

**CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT
TRỊ GIÁ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THEO LOẠI HÌNH NHẬP KINH
DOANH TIÊU DÙNG (A11) TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA SAU
THÔNG QUAN TẠI CỤC HẢI QUAN TP HẢI PHÒNG**

**3.1. DỰ BÁO TRIỂN VỌNG VÀ QUAN ĐIỂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG
KTSTQ TRONG LĨNH VỰC TRỊ GIÁ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU LOẠI
HÌNH A11 TẠI CỤC HẢI QUAN TP HẢI PHÒNG**

Kết quả KTSTQ trong lĩnh vực trị giá tính đến ngày 31/12/2017 của Cục Hải quan TP Hải Phòng so với các địa phương khác:

Tên đơn vị	Số thu từ 01/01/2017-31/12/2017 (số ấn định: Tỷ đồng)			Tổng số	Tỷ lệ %/ Tổng số thu
	Tại chi cục Hải quan	Tại chi cục KTSTQ	Phòng thuế làm công tác KTSTQ		
Cục KTSTQ				47.91	7.13%
Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh	182.66	61.83	182.78	427.28	64%
Cục Hải quan TP Hải Phòng	11.15	97.00	-	108.15	15%
Cục Hải quan TP Hà Nội	2.95	40.95	-	73.40	11%
Các địa phương khác	4.25	18.64	-	23.01	3%
Toàn quốc	221.01	218.42	182.78	671.54	100%

Số thu từ công tác KTSTQ về trị giá trên toàn quốc năm 2017 tăng 213,7% so với cùng kỳ năm 2016.

3.1.1. Dự báo triển vọng về hoạt động KTSTQ trong lĩnh vực trị giá hàng nhập khẩu tại Cục Hải quan TP Hải Phòng

- Năm 2016 là năm sẽ thực hiện rất nhiều các Hiệp định thương mại với các quốc gia, vùng lãnh thổ. Một số văn bản luật như Luật Thuế xuất nhập khẩu mới, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi bổ sung cũng sẽ được thông qua.

- Đề án theo Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ sẽ có thay đổi lớn trong lực lượng kiểm tra sau thông quan nói chung và lực lượng kiểm tra sau thông quan tại Cục Hải quan Hải Phòng nói riêng. Bên cạnh thuận lợi về mở rộng địa bàn quản lý, khối lượng công việc ngày một tăng thì cũng

sẽ có nhiều thách thức đối với Chi cục về mô hình tổ chức, gánh thêm trách nhiệm cho các đơn vị giải thể.

- Áp lực về số thu Ngân sách qua địa bàn rất lớn, dự kiến số thu qua công tác kiểm tra sau thông quan trên địa bàn Cục Hải quan Hải Phòng sẽ vẫn chịu áp lực chung về số thu như năm 2017. Số thu qua công tác kiểm tra sau thông quan được Tổng cục Hải quan giao dự kiến khoảng 200 tỷ đồng.

- Tổng cục Hải quan định hướng giảm số lượng cuộc kiểm tra sau thông quan đánh giá tuân thủ xuống còn 30% trên tổng số cuộc kiểm tra, tăng số cuộc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp theo hình thức đánh giá rủi ro, và kiểm tra theo dấu hiệu.

- Sau một thời gian thực hiện những quy định mới của Luật Hải quan số 54/2014/HQ13; Nghị định số 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư 38/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Hải quan thì một số nội dung sẽ ảnh hưởng rất lớn đến công tác kiểm tra sau thông quan. Đặc biệt là công tác kiểm tra sau thông quan trong lĩnh vực trị giá và công tác kiểm tra sau thông quan trong lĩnh vực gia công sản xuất xuất khẩu, doanh nghiệp không còn phải thực hiện thanh khoản, đăng ký định mức mà chỉ phải báo cáo nhập xuất tồn. Đây chính là một thách thức lớn về nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan đối với loại hình này.

- Công tác kiểm tra sau thông quan đã được triển khai đến các Chi cục Hải quan cửa khẩu. Việc tham mưu cho các cấp Lãnh đạo trong việc chỉ đạo thực hiện thống nhất công tác kiểm tra sau thông quan, tránh trùng lặp, chồng chéo giữa các Chi cục Hải quan là rất quan trọng, nhất là công tác kiểm tra về trị giá. Đây cũng là thách thức lớn đối với Chi cục Kiểm tra sau thông quan, do đó công tác tham mưu về lĩnh vực này cũng phải được tăng cường.

- Nếu Hệ thống VNACS/VCIS vẫn không khai thác được số liệu như hiện nay thì sẽ ảnh hưởng lớn đến tiến độ, chất lượng và hiệu quả kiểm tra do đó việc này cần phải được chú trọng tìm cách khắc phục.

- Việc thông quan trên hệ thống VNACS/VCIS và thực hiện các quy định mới của Luật Hải quan ngày càng hướng đến mục tiêu cải cách thủ tục hành chính,

thông quan nhanh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh. Nhưng đây cũng chính là môi trường để các doanh nghiệp tìm cách lợi dụng kẽ hở để gian lận, khai man trốn thuế. Do đó việc nhận diện các phương thức thủ đoạn gian lận mới ngày càng tinh vi phức tạp của doanh nghiệp, đòi hỏi trình độ của cán bộ công chức ngày càng phải được nâng cao.

3.1.2. Quan điểm của Cục Hải quan TP Hải Phòng về hoạt động KTSTQ trong lĩnh vực trị giá hàng nhập khẩu

Để đảm bảo công tác quản lý Nhà nước về trị giá hải quan có hiệu quả, tránh thất thu ngân sách nhà nước và hạn chế gian lận thương mại qua khai báo trị giá hải quan, Cục Hải quan TP Hải Phòng hướng dẫn thực hiện thống nhất công tác kiểm tra trị giá năm 2016 qua các công văn: 604/HQHP-TXNK ngày 26/1/2016 về triển khai công tác kiểm tra trị giá năm 2016; 1760/HQHP-TXNK ngày 17/3/2016 về hướng dẫn công tác kiểm tra trị giá; 738/HQHP-KTSTQ ngày 19/5/2016 về việc thống nhất công tác KTSTQ về trị giá; 4097/HQHP-TXNK ngày 26/5/2016 về việc hướng dẫn công tác kiểm tra trị giá; 7864/HQHP-TXNK ngày 06/9/2016 về việc kiểm tra trị giá hải quan. Cục Hải quan TP Hải Phòng cần xác định các quan điểm tăng cường hoạt động KTSTQ về lĩnh vực trị giá đối với hàng hóa nhập khẩu loại hình A11 theo các nội dung cụ thể như sau:

Thứ nhất, cần xác định quyết tâm về chính trị của cán bộ, công chức hải quan đặc biệt là các cấp lãnh đạo làm công tác KTSTQ thuộc Cục Hải quan TP Hải Phòng nói chung và lĩnh vực KTSTQ về trị giá nói riêng. Quyết tâm chính trị này phải được thể hiện ở việc xây dựng kế hoạch KTSTQ hàng năm của Cục Hải quan TP Hải Phòng về số lượng cuộc KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan và tại trụ sở người khai hải quan. Ví dụ: Chỉ tiêu thực hiện kiểm tra và thu nộp NSNN năm 2017 của Chi cục KTSTQ trong lĩnh vực trị giá (Đội kiểm tra sau thông quan số 1):

STT	Đội công tác	Chỉ tiêu số vụ KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan	Chỉ tiêu số vụ KTSTQ tại trụ sở người khai HQ		Chỉ tiêu thu nộp NSNN
			Chỉ tiêu thực hiện	Chỉ tiêu phấn đấu	
1	Đội 1	1000	970	30	120 tỷ

Thứ hai, cần rà soát lại các khâu nghiệp vụ trước, trong và sau thông quan để xác định thời điểm thực hiện KTSTQ nhằm đảm bảo không có sự trùng lặp của các khâu, với chi phí thấp nhất, thuận lợi nhất cho doanh nghiệp. Việc hoàn chỉnh quy trình nghiệp vụ là khâu trung tâm của công tác cải cách hành chính áp dụng cho KTSTQ, cũng là trọng điểm để nâng cao hiệu quả công tác này trên thực tiễn. Trước yêu cầu về cải cách, hiện đại hoá hải quan, tạo thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam nói chung và của các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý của Cục Hải quan TP Hải Phòng nói riêng thì những vấn đề như vậy cần được rà soát lại, nghiên cứu, xử lý. Nguyên tắc tự khai, tự tính thuế, tự chịu trách nhiệm của các Doanh nghiệp, cơ quan hải quan thực hiện quản lý rủi ro, KTSTQ đã được quy định rõ, là điều kiện tiên đề cho việc xử lý các vấn đề về thủ tục phải được triệt để thi hành.

Thứ ba, cần tăng cường hoạt động KTSTQ trong lĩnh vực trị giá đối với hàng hóa nhập khẩu để đáp ứng yêu cầu QLNN trong điều kiện cải cách thủ tục hành chính công mạnh mẽ, áp dụng rộng rãi các thủ tục và dịch vụ hành chính công điện tử như khai báo và thông quan điện tử; đẩy mạnh kiểm tra đánh giá tuân thủ pháp luật giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực tự tuân thủ pháp luật; tiếp tục tăng cường kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp nhằm phát hiện kịp thời các sai sót và hành vi gian lận thuế, trốn thuế của doanh nghiệp nhập khẩu.

3.2. MỘT SỐ BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT TRỊ GIÁ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU LOẠI HÌNH A11 TRONG KTSTQ

3.2.1. Biện pháp chung

Thứ nhất, Biện pháp về tổ chức bộ máy

Trước yêu cầu và nhiệm vụ mới, Cục Hải quan TP Hải Phòng cần tiếp tục tăng cường khâu KTSTQ, do đó cần tăng biên chế thêm cho Chi cục KTSTQ theo định hướng chung của toàn ngành là đạt 15% biên chế toàn Cục Hải quan tỉnh cho Chi cục KTSTQ vào năm 2018. Việc tăng cường lực lượng là để đảm bảo cho các nghiệp vụ được tiến hành đúng bản, trọng tâm là các khâu như thu thập, phân tích thông tin và KTSTQ được tiến hành kịp thời, đáp ứng nhu cầu quản lý chung và nhiệm vụ KTSTQ đặc biệt là KTSTQ trong lĩnh vực trị giá hàng nhập khẩu.

Ngoài việc tăng cường biên chế cho Chi cục KTSTQ, Cục Hải quan tỉnh cũng cần sớm cơ cấu lại theo hướng hoàn thiện Chi cục KTSTQ với các đội nghiệp vụ chuyên sâu về hàng hóa xuất nhập khẩu, về trị giá tính thuế, về mã số hàng hóa ... để thực hiện việc thu thập, theo dõi và KTSTQ có tính chất chuyên sâu, chuyên nghiệp nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong KTSTQ đối với hàng hóa nhập khẩu đồng thời giảm thiểu chi phí hành chính thấp nhất cho doanh nghiệp. Các đội nghiệp vụ được biên chế đủ quân số có nghiệp vụ được bố trí ở các đơn vị kiểm tra hải quan (Chi cục KTSTQ và các Chi cục HQ cửa khẩu) phải được quản lý thống nhất về nhiệm vụ làm việc, nghiệp vụ và đánh giá chất lượng làm việc. Do vậy, chức năng kiểm tra nghiệp vụ nội bộ của Chi cục KTSTQ phải được tăng cường hơn.

Thứ hai, Nhóm biện pháp tăng cường nghiệp vụ quản lý kiểm tra sau thông quan trong lĩnh vực trị giá hàng nhập khẩu

Để thực hiện tốt công tác kiểm tra trị giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu trên địa bàn Cục Hải quan TP Hải Phòng, trước hết phải nắm vững quy định của pháp luật về trị giá tính thuế. Việc xác định giá phải vừa bảo đảm tôn trọng giá giao dịch thực vừa chống được các hành vi gian lận, trốn thuế, chuyển giá. Muốn vậy, cần phải nắm vững các quy định hiện hành như Luật Hải quan số 54/2014/QH13 của Quốc Hội ngày 23/06/2014; Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 05/03/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính quy định về trị giá hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập; Quyết định 1410/QĐ-TCHQ ngày 14/05/2015 của Tổng cục Hải quan về việc ban hành quy trình kiểm tra sau thông quan.

Thứ ba, Nhóm biện pháp về nâng cao năng lực, đạo đức cán bộ ngành hải quan làm công tác kiểm tra sau thông quan về lĩnh vực trị giá tính thuế

Đến nay, đội ngũ cán bộ làm công tác KTSTQ về lĩnh vực trị giá tính thuế ở Cục Hải quan TP Hải Phòng đã được tăng cường về số lượng, trình độ chuyên môn,

nghiệp vụ tốt (Đội 1- đội trị giá tính thuế thuộc Chi cục KTSTQ với 25 cán bộ công chức; ở các Chi cục hải quan cửa khẩu, cán bộ làm công tác KTSTQ về trị giá tính thuế nằm trong đội Quản lý thuế từ 3-4 cán bộ/mỗi Chi cục). Cơ cấu cán bộ ngày càng hợp lý; tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nam/nữ hài hoà, đội ngũ cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản, có phẩm chất đạo đức, có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tuy nhiên, vẫn còn bộc lộ một số hạn chế như: chất lượng CBCC không đồng đều, vẫn còn bất cập so với yêu cầu; một số cán bộ trẻ tuy được đào tạo cơ bản nhưng chưa có kinh nghiệm, có thái độ phấn đấu về nghề nghiệp chưa cao, chưa chịu khó học hỏi kinh nghiệm thực tiễn hoặc chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, thiếu chủ động nghiên cứu tham mưu, đề xuất. Do đó:

- Về đào tạo chuyên sâu: Cục Hải quan TP Hải Phòng cần thường xuyên cử cán bộ học tập, nghiên cứu các kiến thức chuyên chung về KTSTQ về lĩnh vực trị giá tính thuế tại Trường Hải quan Việt Nam. CBCC thuộc Chi cục KTSTQ cần tích cực tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu, kỹ năng và kinh nghiệm do Cục KTSTQ phối hợp với các chuyên gia nước ngoài trong quá trình hợp tác, trao đổi kinh nghiệm về KTSTQ.

- Công tác đào tạo tại chỗ: Kiểm tra sau thông quan có nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát quá trình làm thủ tục hải quan và kiểm tra đánh giá việc tuân thủ pháp luật của Doanh nghiệp do đó lực lượng KTSTQ phải hướng đến tính chính qui, chuyên nghiệp. Công chức kiểm tra sau thông quan phải được trang bị đủ các kiến thức cơ bản để làm việc, phải có khả năng đọc báo cáo tài chính, kiểm tra hệ thống sổ sách kế toán, kiến thức khác về điều tra cơ bản, kỹ năng xử lý vi phạm, sử dụng máy tính.

Để có người làm việc hiệu quả thì các cấp từ cấp Chi cục đến Đội công tác phải có chương trình đào tạo. Nội dung đào tạo phải thiết thực, sát thực tế sao cho công chức khi được điều động về công tác tại Đội kiểm tra trị giá có thể làm tốt công việc ngay trong thời gian ngắn nhất.

Cấp Chi cục phải xây dựng chương trình đào tạo chung để đào tạo cho công chức mới, và đào tạo lại cho công chức cũ chưa qua đào tạo do Đội chọn lựa, mục tiêu giúp cho công chức nắm vững các vấn đề cơ bản của công tác KTSTQ về mặt

trị giá để thực hiện nhiệm vụ, khi đào tạo cần có kiểm tra sát hạch để đánh giá chất lượng. Đội phải xây dựng kế hoạch đào tạo của mình, cụ thể hóa các công việc của Đội theo qui trình, giúp cho công chức nắm bắt các công việc cụ thể phải thao tác hàng ngày, những công việc phải làm khi tiến hành kiểm tra tại trụ sở cơ quan Hải quan và tại trụ sở người khai hải quan.

- Cục Hải quan TP Hải Phòng cần chú trọng chủ động luân chuyển các cán bộ có năng lực về Chi cục KTSTQ, trong đó chú trọng công tác Kiểm tra về lĩnh vực trị giá để được chia sẻ kinh nghiệm, kỹ năng đặc thù về hàng hóa nhập khẩu loại hình nhập kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý để có sự kế thừa các kinh nghiệm đã có của cán bộ có kinh nghiệm ngay trong Chi cục KTSTQ.

- Cần thường xuyên rèn luyện giáo dục ý thức và trách nhiệm chính trị, đạo đức nghề nghiệp tới từng CBCC thuộc lực lượng KTSTQ nói chung và CBCC trong lĩnh vực kiểm tra trị giá nói riêng để đảm bảo đội ngũ này chấp hành nghiêm chỉnh quy định về đạo đức CBCC của ngành, không gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp trong quá trình thực hành công vụ, nhiệm vụ được giao. Trong đó phải luôn thực hiện đúng các Quy tắc ứng xử của Công chức, viên chức, người hợp đồng lao động ngành Hải quan ban hành kèm theo Quyết định số 557/QĐ-TCHQ ngày 18/02/2013 của Tổng cục Hải quan.

Thứ tư, Chú trọng công tác tuyên truyền pháp luật về hoạt động kiểm tra sau thông quan cho các đối tượng kiểm tra

Việc tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về KTSTQ nói chung và pháp luật về KTSTQ trong lĩnh vực trị giá hàng nhập khẩu nói riêng cho các doanh nghiệp và các cơ quan phối hợp rất quan trọng và có tác dụng nhiều mặt. Phải nhấn mạnh hoạt động KTSTQ trong lĩnh vực trị giá là hoạt động nghiệp vụ then chốt, là phương pháp kiểm soát hiện đại nhằm tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế phát triển. Trên thực tế khi tiến hành các hoạt động KTSTQ tại doanh nghiệp thường bị doanh nghiệp bất hợp tác, phản ứng không tích cực, đặc biệt trong trường hợp số thuế phải truy thu lớn. Khi doanh nghiệp nắm được nhiệm vụ, yêu cầu của hoạt động KTSTQ trong lĩnh vực trị giá sẽ tự nguyện hợp tác và chấp hành các yêu cầu của lực lượng KTSTQ khi tiến hành KTSTQ đối với doanh nghiệp

mình. Một số hoạt động này tại cục Hải quan TP Hải Phòng như: Đối thoại doanh nghiệp, trả lời doanh nghiệp, hỗ trợ người khai hải quan,.... Tuy nhiên, KTSTQ trong lĩnh vực trị giá là một vấn đề khó, nhiều Doanh nghiệp không nắm được quy định của Pháp luật về hoạt động này. Các hình thức tuyên truyền cần đa dạng, phong phú, hiệu quả cao. Đó là các hình thức như: phổ biến các thông tin trên các Website của đơn vị, hội nghị tập huấn cho các đơn vị... Các hình thức tuyên truyền phải đạt mục tiêu giúp doanh nghiệp có thái độ đúng, cách hiểu đúng về việc KTSTQ trong lĩnh vực trị giá nói riêng, các quy định về KTSTQ nói chung.

3.2.2. Biện pháp cụ thể

Thứ nhất, Xử lý trường hợp có nghi vấn về trị giá:

Khi xác định lô hàng có dấu hiệu nghi vấn về mức giá theo quy định tại điều 25 Thông tư 38/2015/TT-BTC, công chức hải quan phải thông báo hướng dẫn doanh nghiệp đề nghị tham vấn hoặc thực hiện kiểm tra sau thông quan trong phạm vi 60 ngày theo đúng quy định. Không để xảy ra tình trạng không hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện quyền tham vấn mà mặc định chuyển kiểm tra sau thông quan.

Thứ hai, Xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan về trị giá:

Căn cứ kết quả KTSTQ, đối chiếu với quy định tại tiết b, khoản 4, Điều 142 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính để bác bỏ trị giá khai báo do mâu thuẫn hồ sơ, chứng từ,...trong đó cần lưu ý cơ sở bác bỏ trị giá khai báo do Tổng cục Hải quan hướng dẫn tại điểm c khoản 1 công văn số 167/TCHQ-TXNK ngày 26/07/2016. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục KTSTQ chịu trách nhiệm trước Cục trưởng nếu để xảy ra các trường hợp đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo theo hướng dẫn nêu trên nhưng không thực hiện bác bỏ trị giá khai báo hoặc xác định trị giá không đúng hướng dẫn.

Thứ ba, Sử dụng thông tin dữ liệu để xác định trị giá:

Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục KTSTQ tổ chức thực hiện xác định trị giá theo nguyên tắc và trình tự các phương pháp xác định trị giá hải quan quy định tại Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính. Khi xác định trị giá, phải tổng hợp, phân tích đánh giá mức độ tin cậy của các nguồn thông tin thu thập được theo quy định tại điều 57 Quyết định 1966/QĐ-

TCHQ ngày 10/07/2016 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, nghiêm cấm sử dụng các mức giá tại hệ thống thông tin dữ liệu giá (GTT02) hoặc các mức giá thu thập được sau khi quy đổi thấp hơn mức giá tham chiếu của hàng hóa giống hệt, tương tự tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về trị giá bất hợp lý (quá cao hoặc quá thấp) thì thực hiện việc Báo cáo đề xuất sửa đổi Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về trị giá

Thứ tư, Xác định trị giá hàng nhập khẩu không có hợp đồng mua bán:

Chi cục trưởng Chi cục hải quan tổ chức thực hiện xác định trị giá đối với hàng nhập khẩu không có hợp đồng mua bán theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 17 Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính. Thời điểm xác định trị giá là ngày hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ giấy đồng thời phải cập nhật ngay kết quả xác định vào hệ thống GTT02 tại chức năng 1.04; 1.12, tùy từng trường hợp cụ thể cập nhật trạng thái “ không nghi vấn” hoặc “ có nghi vấn-doanh nghiệp chấp nhận TGTT do Hải quan xác định”. Trường hợp kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa hoặc kết quả kiểm tra chuyên ngành có sai khác với khai báo thì yêu cầu doanh nghiệp khai sửa đổi, bổ sung và xác định trị giá, cập nhật vào hệ thống GTT02 theo đúng hàng thực nhập.

Thứ năm, Đề xuất sửa đổi Danh mục hàng hóa nhập khẩu rủi ro về trị giá

Khi có đủ cơ sở, căn cứ để xác định mức giá tham chiếu tại Danh mục hàng hóa nhập khẩu rủi ro về trị giá bất hợp lý (quá cao hoặc quá thấp) hoặc chưa có mức giá tham chiếu, Chi cục trưởng Chi cục hải quan, Chi cục trưởng Chi cục KTSTQ phải đề xuất bổ sung, sửa đổi kịp thời mức giá tham chiếu về Cục Hải quan TP Hải Phòng (qua phòng thuế XNK), theo các mẫu (lưu ý kèm đầy đủ các chứng từ tài liệu thuyết minh mức giá bất hợp lý, cơ sở, cách tính toán, mức giá dự kiến đề xuất bổ sung, sửa đổi)

Thứ sáu, Cập nhật thông tin trên hệ thống giá GTT02.

Hiện nay, việc cập nhật kết quả kiểm tra, xác định trị giá chưa được thực hiện đúng quy định, chưa kịp thời, chưa đầy đủ và không đúng trạng thái. Do vậy, dẫn đến tình trạng trên hệ thống cơ sở dữ liệu giá GTT02 bị thiếu dữ liệu, không phản ánh đúng thực trạng công tác kiểm tra, xác định trị giá, ảnh hưởng đến nguồn thông

tin tham khảo đối với các lô hàng nhập khẩu sau. Để khắc phục tình trạng trên, yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện cập nhật kết quả kiểm tra, xác định trị giá ngày sau khi hoàn thành việc kiểm tra theo đúng quy định.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP TRÊN

Nhằm mục tiêu bảo đảm tính minh bạch và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về KTSTQ trong lĩnh vực trị giá tính thuế hàng nhập khẩu và các văn bản có liên quan. Tính minh bạch của văn bản pháp quy thể hiện ở hai phương diện: khả năng áp dụng trực tiếp điều khoản quy định vào thực tế và tính liên thông giữa các văn bản pháp luật có liên quan.

3.3.1. Kiến nghị sửa đổi hệ thống pháp luật và các văn bản hướng dẫn liên quan đến hoạt động KTSTQ về lĩnh vực trị giá tính thuế hàng nhập khẩu loại hình A11

Đối với hệ thống văn bản pháp luật, đặc biệt là Luật Hải quan, Luật Thuế XNK và văn bản dưới luật hướng dẫn về KTSTQ, Nhà nước cần hoàn thiện theo các kiến nghị sau:

- Giảm thiểu số lượng văn bản hướng dẫn, tiến đến khả năng trực tiếp áp dụng điều luật vào công tác KTSTQ, đặc biệt trong lĩnh vực trị giá tính thuế. Điều này sẽ giúp người khai hải quan và cán bộ hải quan không phải dẫn chiếu đến nhiều văn bản ở nhiều cấp khác nhau. Ngược lại, điều này cũng dẫn đến một thực tế là các điều khoản Luật phải rất chi tiết, cụ thể. Nghĩa là cần phải đưa các quy định KTSTQ hiện nay quy định quá nhiều ở các văn bản dưới luật như Nghị định, Thông tư, Quyết định,... vào các điều khoản của Luật Hải quan.

- Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan cần tổ chức rà soát lại toàn bộ hệ thống văn bản có liên quan đến hoạt động KTSTQ nói chung và lĩnh vực kiểm tra trị giá nói riêng, hệ thống văn bản hướng dẫn áp dụng trong nội bộ ngành Hải quan về KTSTQ để thực hiện chỉnh sửa, bổ sung phù hợp với mục tiêu phản ánh được bức tranh toàn cảnh về hệ thống quản lý.

- Trong các điều khoản Luật và văn bản hướng dẫn, cần có sự dẫn chiếu giữa các văn bản với nhau để tạo ra sự thống nhất, hỗ trợ lẫn nhau giữa các văn bản quy

định. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn, phải quy định rõ phải tuân thủ quy định nào và bãi bỏ hiệu lực quy định nào.

- Hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật theo hướng phải phù hợp với các chuẩn mực của WTO và các thông lệ quốc tế, trước mắt phải phản ánh được các cam kết và nghĩa vụ của Việt Nam khi đã là thành viên WTO, WCO và với tư cách là thành viên của các tổ chức kinh tế khu vực như ASEAN, APEC.

- Đối với Nghị định hướng dẫn Luật Hải quan 2014 cần chi tiết các nội dung về KTSTQ theo hướng chuẩn hoá và bổ sung các quy định về KTSTQ bảo đảm kiểm soát hiệu quả phương thức quản lý hải quan hiện đại.

- Đối với Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu cần quy định cụ thể, chi tiết các phương pháp xác định trị giá hải quan. Đặc biệt, cần giải thích hết sức rõ ràng về các khái niệm sử dụng trong xác định trị giá. Ví dụ như: khoản bảo đảm, các khoản điều chỉnh, các khoản trợ giúp,... Vì hệ thống quản lý trị giá hải quan theo Hiệp định xác định trị giá hải quan của WTO là một hệ thống hoàn toàn mới với nhiều thuật ngữ mới. Do vậy, để nắm bắt, am hiểu và vận hành được hệ thống một cách chuẩn xác thì rõ ràng là những thuật ngữ mới cần được giải thích đầy đủ, mà bảo đảm nhất là được giải thích trong những điều khoản của văn bản luật.

- Đối với Luật Quản lý thuế: Bổ sung quy định về khai bổ sung hồ sơ khai thuế quy định tại Khoản 2 Điều 34 Luật Quản lý thuế theo hướng kéo dài thời hạn doanh nghiệp được khai bổ sung từ 60 ngày như hiện nay lên 365 ngày. Quy định này cũng phù hợp với quy định về báo cáo sổ sách, chứng từ kế toán thuế định kỳ 1 năm của doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp có cơ hội khai bổ sung.

- Đối với các văn bản cấp thông tư hướng dẫn kỹ thuật nghiệp vụ của ngành Hải quan trong KTSTQ, các văn bản hướng dẫn kỹ thuật nghiệp vụ của ngành Hải quan cần phải đảm bảo yêu cầu cụ thể, chi tiết đến từng bước công việc mà công chức hải quan phải thực hiện khi tiến hành KTSTQ tại cơ quan Hải quan hay tại doanh nghiệp. Văn bản phải đơn giản, dễ hiểu để mọi công chức trực tiếp áp dụng đều hiểu theo một cách thức như nhau và áp dụng theo một quy trình, trật tự nhất định.

Về quy định xác định trị giá tính thuế tại một số văn bản còn có sự không đồng nhất với nhau. Ví dụ, Khoản 7 Điều 1, Thông tư số 29/2014/TT-BTC ngày

26/2/2014 quy định về việc kiểm tra trị giá tính thuế sau khi hàng hóa đã được thông quan quy định: cơ quan hải quan bác bỏ trị giá tính thuế nếu quá thời hạn yêu cầu mà doanh nghiệp không cung cấp được hoặc cung cấp không đầy đủ các hồ sơ, chứng từ, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan hải quan. Trong khi đó tại quy trình ban hành kèm theo Quyết định số 3550/QĐ-TCHQ ngày 01/11/2013 theo mẫu thông báo số 04/2013-KTSTQ trong thời gian 03 ngày kể từ ngày ký thông báo cho doanh nghiệp về việc KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan thì thời gian để cung cấp hồ sơ, chứng từ tài liệu là 60 ngày kể từ ngày thông báo. Việc doanh nghiệp có nhận được thông báo của cơ quan hải quan hay không hoặc nhận được lúc nào để chuẩn bị hồ sơ theo yêu cầu của thông báo thì cơ quan hải quan không nắm được. Trong trường hợp doanh nghiệp không nhận được thông báo của cơ quan hải quan mà cơ quan hải quan bác bỏ trị giá tính thuế và xác định lại thì sẽ gây bức xúc cho doanh nghiệp. Do đó cần thống nhất ngay 2 văn bản nêu trên.

3.3.2. Những kiến nghị cụ thể đối với Tổng cục Hải quan

Thứ nhất, cần thống nhất cách thức thực hiện việc KTSTQ về lĩnh vực trị giá tính thuế giữa các đơn vị Hải quan trong toàn ngành. Tại cục Hải quan TP Hà Nội việc KTSTQ 60 ngày được thực hiện tại các Chi cục Hải quan, tại cục Hải quan TP Hồ Chí Minh thì việc này lại được Phòng thuế XNK làm, còn tại cục Hải quan TP Hải Phòng thì lại phân cấp theo nhóm mặt hàng, theo đó một số mặt hàng sẽ được thực hiện KTSTQ tại Chi cục hải quan, một số mặt hàng sẽ được thực hiện KTSTQ tại Chi cục KTSTQ. Việc này dẫn đến các doanh nghiệp sẽ có những cách hiểu khác nhau về công tác KTSTQ về mặt trị giá.

Thứ hai, cần sửa đổi quy trình KTSTQ kèm theo quyết định số 1410/QĐ-TCHQ ngày 14/05/2015 của Tổng cục Hải quan cho phù hợp với các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Ví dụ: quy định về khai bổ sung trong vòng 60 ngày: “Trường hợp doanh nghiệp không chứng minh được số thuế đã khai là đúng và đồng ý với các nội dung, kết quả kiểm tra của cơ quan hải quan thì doanh nghiệp thực hiện khai bổ sung...”. Tuy nhiên thực tế doanh nghiệp nộp bổ sung đúng hạn (theo quy định là 5 ngày thì không bị xử lý vi phạm hành chính), trường hợp quá thời hạn quy định (ví dụ là 1,2 ngày) thì lập tức CBCC cửa khẩu phải chuyển hồ sơ

để thực hiện KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan. Điều này rất bất cập, bởi để thực hiện được một cuộc KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan phải trải qua rất nhiều các bước nghiệp vụ phức tạp, đồng thời gây tốn kém nguồn nhân lực kiểm tra mà vẫn không đạt được kết quả xứng đáng.

Thứ ba, tổ chức tuyên truyền cho các đối tượng liên quan về KTSTQ. Trong thời gian tới, việc tuyên truyền của ngành Hải quan phải được thực hiện theo các hướng:

- Mở chương trình tập huấn và phổ biến các kiến thức liên quan đến KTSTQ trong lĩnh vực trị giá hàng nhập khẩu cho Doanh nghiệp và các đại lý hải quan;

- Phối hợp với các cơ quan truyền thông (truyền thanh, truyền hình, báo,...) đưa tin, phổ biến kiến thức về KTSTQ trong lĩnh vực trị giá tính thuế;

Thứ tư, thu thập, xây dựng, cập nhật các thông tin có chất lượng từ các nguồn để phục vụ công tác KTSTQ về lĩnh vực trị giá đối với hàng hóa nhập khẩu. Nguồn thông tin hiện tại chủ yếu là nguồn dữ liệu giá từ khâu trong thông quan, tuy nhiên chưa được liên kết thông suốt cũng như chưa đáp ứng yêu cầu công tác KTSTQ. Do đó, cần hoàn thiện hệ thống thông tin theo hướng sau:

- Nâng cấp, từng bước hoàn thiện hệ thống đường truyền, máy chủ, máy trạm, nâng cấp các chương trình phần mềm nhằm bổ sung thêm một số chức năng cần thiết, phân quyền tra cứu toàn diện cho lực lượng KTSTQ để có những thông tin đầy đủ nhất.

- Cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin trên hệ thống dữ liệu giá (GTT02). Đây là khâu rất quan trọng, chỉ một sai sót hoặc cập nhật không chính xác đầy đủ sẽ dẫn tới thông tin bị sai lệch, từ đó dẫn tới việc xác định trị giá tính thuế không đúng. Cần quy trách nhiệm khâu cập nhật và sử dụng thông tin tới từng CBCC.

- Để đảm bảo hoạt động KTSTQ về trị giá đối với hàng hóa nhập khẩu đạt hiệu quả cao nhất, kiến nghị Tổng cục Hải quan sớm tăng cường trang thiết bị, máy móc và phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin và kinh phí nghiệp vụ cho lực lượng KTSTQ địa phương, trong đó có lực lượng KTSTQ của Cục Hải quan TP Hải Phòng. Các trang thiết bị cần trang bị gấp bao gồm: Phương tiện đi lại (01 xe ô tô, do đặc thù Các đoàn kiểm tra thường xuyên đi công tác); có chế độ mua tin (để đảm

bảo nguồn tin có chất lượng); trang bị máy ghi hình, máy ghi âm, máy ảnh (phục vụ công tác thu thập chứng cứ để đấu tranh với doanh nghiệp);

- Cần có chế độ đãi ngộ phù hợp, khen thưởng biểu dương kịp thời, xứng đáng cho đơn vị, cá nhân công chức có thành tích nổi bật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KTSTQ trong lĩnh vực trị giá.

3.3.3. Những kiến nghị với Bộ Tài chính

Thứ nhất, hiện tại mới có thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Nghị định về trị giá hải quan đang trong quá trình dự thảo, do vậy Bộ Tài chính cần tập trung, quyết tâm cao hơn nữa để Nghị định sớm được trình lên Chính phủ và đi vào thực tế, giải quyết được các vướng mắc trong khâu thực hiện.

Thứ hai, cần sửa đổi Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 liên quan đến hoạt động KTSTQ về lĩnh vực trị giá: Cần bỏ quy định chuyển kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan khi phát hiện sai phạm có nghi vấn đối với các tờ khai quá 60 ngày, với lượng tờ khai ít, mặt hàng rủi ro không cao mà phải chuyển kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp thì vừa gây tốn kém về nhân lực, vật chất từ phía cơ quan hải quan và gây mất thời gian cho doanh nghiệp.

Thứ ba, phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước (Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án và các bộ, ngành có liên quan) để xây dựng các quy chế phối hợp trong việc thi hành cưỡng chế các quyết định hành chính của cơ quan Hải quan để tránh các vụ việc phát sinh khi ấn định thuế doanh nghiệp cố tình không nộp, cố tình trốn tránh khi bị KTSTQ.

Thứ tư, ban hành các quy chế phối hợp chặt chẽ hơn giữa Ngân hàng thương mại với cơ quan hải quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác KTSTQ đặc biệt trong lĩnh vực trị giá liên quan đến các khoản thanh toán qua các ngân hàng.

Thứ năm, có cơ chế bắt buộc các doanh nghiệp thực hiện Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn, đảm bảo thực hiện nghiêm túc chế độ hóa đơn chứng từ, hạch toán kế toán của doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ hải quan trong quá trình KTSTQ về trị giá.

Thứ sáu, ban hành chế độ phụ cấp công việc cho cán bộ công chức làm công tác KTSTQ đủ mức động viên khích lệ công tác của CBCC làm việc trong lĩnh vực KTSTQ về lĩnh vực trị giá.

KẾT LUẬN

Nền Kinh tế Việt Nam đang trong quá trình phát triển mạnh mẽ từ khi gia nhập thị trường thế giới. Kinh tế liên tục tăng trưởng với tốc độ cao; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, cán cân thương mại, giao lưu quốc tế không ngừng gia tăng, Việt Nam đã gia nhập thị trường thế giới có những diễn biến phức tạp, khó lường. Trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới, Việt Nam dần trở thành mắt xích trong chuỗi cung ứng toàn cầu, giao thương quốc tế; hình thành ngày một nhiều các khu vực ưu đãi thuế quan, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao... Quá trình hội nhập khu vực, quốc tế đặt ra các yêu cầu mới cho công tác quản lý, từ việc xây dựng thể chế tạo hành lang cho hoạt động, đến hình thành tổ chức, bộ máy, cơ chế pháp lý, nguồn nhân lực triển khai, đổi mới cơ chế điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước... thực hiện các cam kết, ràng buộc theo lộ trình đề ra. Hội nhập kinh tế quốc tế cũng tạo ra nhiều mối quan hệ trong thương mại, giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội, làm xuất hiện nhiều mối quan hệ kinh tế mới, dẫn tới sự phức tạp và là thách thức cho công tác quản lý. Trước bối cảnh đó các cơ quan Hải quan trên thế giới đều phải thay đổi để thích ứng với tình hình mới, phức tạp nhằm mục đích vừa đảm bảo tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động thương mại quốc tế qua việc áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro, đầu tư trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hải quan hiện đại vừa phải đảm bảo việc chấp hành và tuân thủ các quy định của luật pháp hải quan nhằm đảm bảo an ninh, lợi ích kinh tế quốc gia, đảm bảo an toàn cho dây chuyền cung ứng thương mại quốc tế. Việc thực hiện cam kết quốc tế đặt ra yêu cầu Hải quan Việt Nam phải tiến hành cải cách, hiện đại hoá nhằm đảm bảo sự phù hợp, tương thích với xu thế phát triển chung và hoà nhập với Hải quan thế giới và khu vực. Ngành Hải quan phải tiếp tục cải cách nhằm hướng đến mục tiêu tương đồng với trình độ quản lý hải quan các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Mục đích nghiên cứu của luận văn là hệ thống hóa cơ sở lý luận về hoạt động KTSTQ về lĩnh vực trị giá tính thuế hàng nhập khẩu loại hình A11; Đánh giá thực

trạng mǎng nghiệp vụ này đang diễn ra tại Cục Hải quan TP Hải Phòng như thế nào, qua đó tìm ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân để làm cơ sở đề xuất những biện pháp hữu hiệu, thiết thực nhất để giải quyết hiệu quả công việc; Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, đồng thời chống gian lận thuế qua giá, gian lận thương mại, tạo sự công bằng, bình đẳng cho các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, rút ngắn thời gian thông quan. Tôi hy vọng rằng nếu các giải pháp trên được thực hiện thì hoạt động KTSTQ về lĩnh vực trị giá tính thuế hàng nhập khẩu loại hình A11 tại Cục Hải quan TP Hải Phòng nói riêng và các Cục Hải quan trên toàn quốc nói chung sẽ ngày càng chính quy chuyên nghiệp, qua đó sẽ kiểm soát tốt hơn hành vi gian lận thuế qua giá của Doanh nghiệp.

Nghiên cứu về giải pháp kiểm soát trị giá hàng nhập khẩu loại hình A11 trong hoạt động KTSTQ tại Cục Hải quan TP Hải Phòng là một đề tài khó và phức tạp bởi tính thời sự của lĩnh vực giá trong cuộc sống hàng ngày, các quy định của Pháp luật luôn đi sau nên không thể kiểm soát được hết các ngõ ngách, trong khi hành vi gian lận thuế qua giá của một số Doanh nghiệp ngày càng tinh vi. Mặc dù người viết đã cố gắng nhưng chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong Quý thầy cô góp ý để tôi hoàn thiện đề tài, giúp bản thân người viết rút ra các bài học để ứng dụng trong thực tiễn công tác./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Tài chính (2015). *Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 Quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội.
- Bộ Tài chính (2015). *Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 Quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội.
- Chi cục Kiểm tra sau thông quan (2016). *Báo cáo thành tích năm 2016; Đề án KTSTQ 2016; Xây dựng kế hoạch công tác 2017; Tổng kết năm 2017 kế hoạch năm 2018 của đội 1*, Hải Phòng.
- Chính phủ (2015). *Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan*, Hà Nội.
- Cục Hải quan TP Hải Phòng (2013, 2014, 2015, 2016, 2017). *Báo cáo tổng kết năm*, Hải Phòng.
- Chi cục Kiểm tra sau thông quan (2014, 2015, 2016, 2017). *Báo cáo giao ban cuối năm*, Hải Phòng.
- Cục Hải quan TP Hải Phòng (2016). *Công văn số 604/HQHP-TXNK ngày 26/01/2016 về việc triển khai công tác kiểm tra trị giá năm 2016; công văn số 1760/HQHP-TXNK ngày 17/03/2016 về việc hướng dẫn công tác kiểm tra trị giá; công văn số 738/HQHP-TXNK ngày 19/05/2016 về việc thống nhất công tác KTSTQ về trị giá; 4097/HQHP-TXNK ngày 26/05/2016 về việc hướng dẫn công tác kiểm tra trị giá; 7864/HQHP-TXNK ngày 06/09/2016 về việc kiểm tra trị giá hải quan*, Hải Phòng.
- Quốc hội (2014). *Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/06/2014*, Hà Nội; Quốc hội (2001). *Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/06/2001*, Hà Nội.
- Tài liệu hội nghị tập huấn công tác KTSTQ các năm 2014; 2015; 2016.
- Tổng cục Hải quan (2015). *Quyết định số 1410/QĐ-TCHQ ngày 14/05/2015 về việc ban hành Quy trình kiểm tra sau thông quan*, Hà Nội.

Tổng cục Hải quan (2015). *Quyết định số 2344/QĐ-TCHQ ngày 07/08/2015 về việc ban hành quy chế xây dựng, quản lý, sử dụng, cơ sở dữ liệu trị giá Hải quan*, Hà Nội.

Tổng cục Hải quan (2016). *Công văn số 167/TCHQ-TXNK ngày 26/07/2016; 7978/TCHQ-TXNK ngày 17/08/2016 về việc kiểm tra trị giá hải quan sau khi hàng hóa đã thông quan và thực hiện chỉ đạo về công tác trị giá trên hệ thống GTT02*, Hà Nội